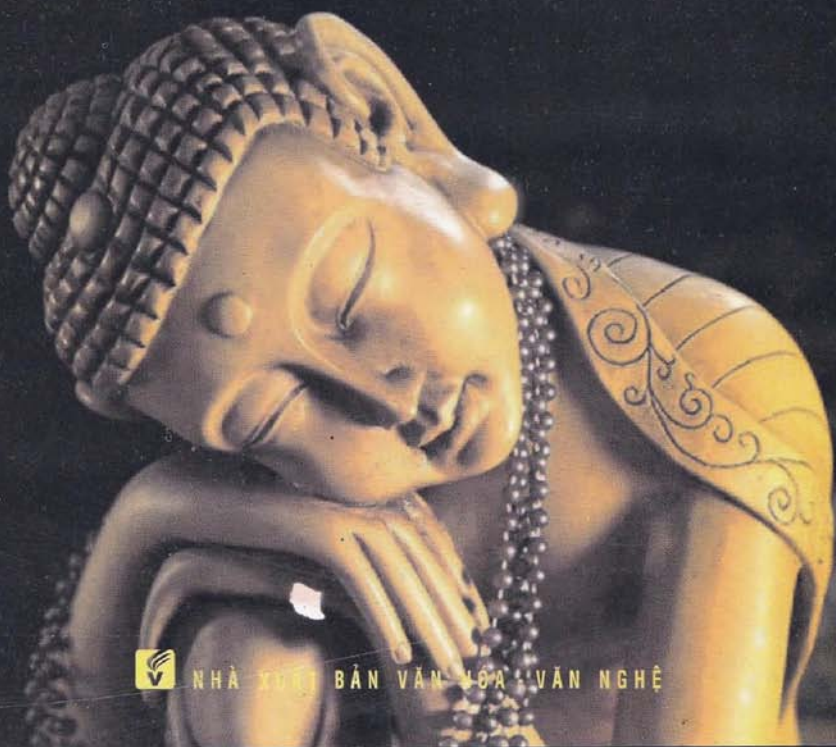


# Hương Thiền

TUYỂN TẬP VĂN THƠ RA NGÀY 01/10/QUÝ TỶ

26



NHÀ XUẤT BẢN VĂN HỌC - VĂN NGHỆ

## Đại lễ Vesak Liên Hiệp Quốc lần thứ 11



“Hương đến Đại lễ Vesak Liên Hiệp Quốc lần thứ 11 và lần thứ hai được tổ chức tại Việt Nam tháng 5-2014, mỗi Tăng Ni, Phật tử Việt Nam chúng ta, mỗi cơ sở Phật giáo hãy tinh tấn nỗ lực làm thêm nhiều thiện sự, nhằm xây dựng cuộc đời hiền đẹp hơn.

Cần ứng dụng Phật pháp nhằm nâng cao chất lượng cuộc sống cho cộng đồng, để cúng dường lên Đức Thế Tôn nhân Ngày Vesak Liên Hiệp Quốc - Ngày thế giới ngợi ca và tôn vinh Ngài”.

HT. THÍCH GIÁC TOÀN

## Khai mạc Hội nghị Liên minh Phật giáo thế giới lần thứ nhất



**HT.Thích Thiện** trong đoàn GHPGVN tặng quà lưu niệm đến **Lạt-ma Lobsang** viên sáng lập Liên minh Phật giáo Thế giới đã khai mạc tại hội trường Khách sạn Hyatt, New Delhi, Ấn Độ, với khoảng 600 đại biểu quốc tế đến từ 39 quốc gia và vùng lãnh thổ. Phái đoàn GHPGVN tham dự gồm 10 thành viên, do HT.Thích Thiện

(Nguồn: Giác Ngộ)

# HƯƠNG THIÊN 26

---

## **BAN CỐ VẤN**

HT. Thích Hiển Pháp

HT. Thích Giác Quang

HT. Thích Nhật Quang

## **BAN CHỦ NHIỆM**

TT. Thích Thiện Tài

Nhà thơ Phạm Thiên Thư

Nhà văn Nhật Chiêu

Nhà báo Nguyễn Đức Tỏ


## **CHỦ BIÊN**


Nhà báo Phan Cát Tường

## **VĂN PHÒNG**

ĐC: 304 Bông Sao, P.5, Q.8, TP.HCM

ĐT: (08)38503410 - 0913724043

 [www.facebook.com/cattuong.phan](http://www.facebook.com/cattuong.phan)

 [www.cattuongphan.blogspot.com](http://www.cattuongphan.blogspot.com)

E-mail : [phancattuong@gmail.com](mailto:phancattuong@gmail.com)

**NHÀ XUẤT BẢN VĂN HÓA-VĂN NGHỆ**

**TP. HỒ CHÍ MINH - 2013**

## MỤC LỤC

03. Thích Thiện Tài .....Lá thư Chủ nhiệm  
04. Pháp sư Tịnh Không .....Vãng sanh không phải là chết.  
09. Nguyễn Duy Nhiên ..... Bài kinh từ cây cải bắp.  
17. HT.Thích Thiện Tâm .....Pháp Chiếu đại sư  
25. Chân Hạnh .....Tri chú Đại Bi đúng pháp  
33. Phan Cát Tường .....Nietzsche và ba cuộc hóa thân  
của Bồ tát  
40. Sơn Định .....Ngồi Thiền cùng Đại Tướng  
49. Phạm Duy-Phạm Thiên Thư..... Đạo ca Quán Thế Âm  
53. Nguyễn Hữu Vinh .....Man Nương - Trinh nữ thọ thai  
57. An Dung - Mạnh Cường .....Chùa Bà Đanh  
61. Nhật Chiêu .....Truyện cực ngắn  
65. Helian .....Narcissus và hoa Thủy Tiên  
73. HT.Thích Giác Quang .....Long Sơn cổ tự  
81. Nguyễn Hải Thảo .....Phật tử Trung Thúc  
89. Nguyễn Đức Tố .....Phật sự Quận 8.

**Thơ:** Minh Đức Triều Tâm Ảnh, Huyền Không, Từ Kế Tường,  
Guillaume Apollinaire, Phạm Thiên Thư, Hoàng Phủ Ngọc Tường,  
Nguyễn Văn Kỳ, Nguyễn Hải Thảo, Trần Thoại Nguyên

**Bìa:** Phong Châu

## Lá thư Chủ nhiệm

“Ai Cập Tử thư” là một tác phẩm Triết học quan trọng của Ai Cập cổ đại. Đây là một tác phẩm luận giải về con đường của thân Trung ám, tương đương với kiến giải của kinh Địa Tạng trong Phật giáo. Phần cuối của Tử thư này có câu chuyện đặc sắc mang tính thần thoại, nói về việc thần Osiris cỡi Địa ngục sẽ cân trái tim người chết trước khi quyết định cảnh giới đầu thai.

Vị thần công chính có nhiệm vụ cân trái tim của người chết với hai đầu cân, một bên là trái tim, bên kia là chiếc lông chim ưng thay cho quả cân. Nếu trái tim không giữ được thăng bằng với lông chim ưng thì linh hồn sẽ bị quái vật Ammit xé xác.

Câu chuyện thần thoại này muốn nói đến trái tim, tức Tâm của một con người, nếu còn mang nặng những phiền não, tham dục thì người chết sẽ bị lưu đày nơi cảnh khổ. Trái tim phải nhẹ như lông chim. Con người phải chết với một tâm trạng nhẹ nhàng, thanh thản thì mới được sanh về chốn an lành. Đó là tất cả những gì mà Tử thư Ai Cập muốn nhấn nhủ đến con người từ gần 3.000 năm trước.

Đó cũng là điều mà đạo Phật đề cập nhiều lần trong các kinh điển của Tịnh độ như: kinh A Di Đà, kinh Quán Vô Lượng Thọ, kinh Vô Lượng Thọ,... Đặc biệt, trong kinh A Di Đà, Phật nói: *“Thị nhơn chung thời tâm bất điên đảo, tức đắc vãng sanh Cực lạc quốc độ”* (Người đó lúc mạng chung, nếu tâm không điên đảo, tức vãng sanh cõi Phật).

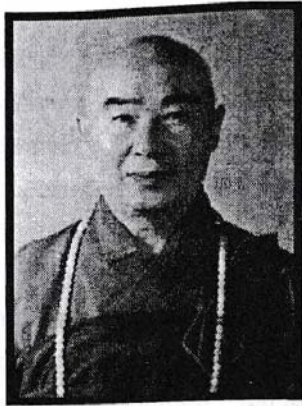
“Tâm không điên đảo” để mà nhẹ tênh như chiếc lông chim ưng thì mới có thể bay theo Phật về cảnh giới Tịnh độ. Mà muốn “Tâm không điên đảo” thì ngay nơi cuộc sống này, con người phải buông xả được mọi tham giận, si mê.

Đó là nguyên tắc của luật nhân quả, không chỉ Phật nói mà các nền văn hóa lớn như Ai Cập, Trung Hoa,... cũng đều nói đến. Vấn đề là chúng ta hãy thực hành “Tâm không điên đảo” trong đời sống hàng ngày để khi chết đi, trái tim ta được nhẹ nhàng như chiếc lông chim vậy!

**Thích Thiện Tài**

# Vãng sanh không phải là chết!

Pháp sư Tịnh Không



Trong “Vãng sanh truyện” chúng ta thấy có rất nhiều người do công phu niệm Phật được vãng sanh rất tự tại, biết trước giờ giấc ra đi, không một chút bệnh hoạn, gương mặt lại tươi đẹp hơn lúc bình thường.

Nhiều người không hiểu lại cho rằng: “Niệm Phật mới ba năm đã vãng sanh, là phải chết, ây da! Tôi sợ lắm, thôi thôi, đừng bảo tôi niệm Phật nữa.”

Những người có ý nghĩ như vậy, vì họ không hiểu được ý nghĩa, giá trị cao đẹp của sự vãng sanh, nên mới bị những suy nghĩ tham sống sợ chết, luyến tiếc trần cảnh để phải chịu trôi lăn mãi trong lục đạo luân hồi.

Pháp môn niệm Phật không có sinh tử, vãng sanh không phải là chết, vãng sanh là sống mà ra đi. Còn chết là không thể vãng sanh. Cho nên pháp môn

này còn gọi là pháp môn không sanh, không diệt. Vì trong lúc vắng sanh quý vị rất tinh táo và thấy Phật tới rước rồi theo Phật ra đi. Lúc đó cái xác tạm bợ của thế gian này không còn dùng nữa. Sau khi lên đến cõi Tây Phương Cực Lạc quý vị sẽ được một thân tướng trang nghiêm đẹp đẽ y như đức Phật A Di Đà. Như vậy tuyệt đối không phải chết.

Cho nên tôi thường nói với quý vị rằng: Pháp môn này là pháp môn không già, không bệnh, không chết. Quý vị hãy yên tâm, đừng bước, lắng lòng nhất hướng mà chuyên niệm. Tôi nói đây là sự thật, chẳng phải dối gạt quý vị để làm gì, chỉ cần quý vị chuyên tâm niệm Phật, tới lúc tâm được thanh tịnh thì tất cả chuyện khổ đều không còn nữa, gương mặt lúc nào cũng tự tại vui cười, vì vui tươi nên không già. Người xưa có câu “trụ tư khiến cho người mau già”, lo buồn khiến quý vị rất dễ lão hóa.

Hiện giờ chúng ta còn đang mang cái nghiệp báo thân này, sống chết không một chút tự do. Những lúc khổ quá, thọ mạng chưa hết, muốn chết mà vẫn phải sống, đến khi có phước báu nhiều rồi, muốn sống thêm vài năm để hưởng thụ nhưng thọ mạng đã dứt, chừng đó muốn sống vẫn phải chết.

Do đó, khi quý vị phát tâm niệm Phật hoặc vào niệm Phật đường niệm Phật, thân tâm, thế giới, vạn duyên bên ngoài, tất cả đều buông xuống hết, chỉ còn câu hồng danh A Di Đà Phật với niềm vui đạo hạnh tràn ngập trong lòng, đó gọi là pháp hỷ sung mãn. Sự chuyên cần tu tập đến lúc công phu thành khối, quý vị sẽ không còn ràng buộc bởi cái khổ của bệnh già và chết, chừng đó sanh tử tự tại, muốn ra đi lúc nào tùy ý,

muốn ở lại thế gian sống thêm vài ba năm cũng được. Lúc này cái sống của quý vị hoàn toàn mang ý nghĩa cao đẹp và tự biết mình sẽ phải làm những điều gì.

Người đạt mức sanh tử tại là người hội đủ phước báu lên thế giới Tây Phương Cực Lạc để hưởng thụ. Họ không ra đi mà tình nguyện ở lại vì xét thấy còn rất nhiều người có duyên với mình, mình phải giúp đỡ họ, phải độ cho họ, hi vọng có thể dẫn dắt thêm nhiều người cùng nhau về Tây Phương.

Lý do sống chính đáng như thế tuyệt đối không phải vì tham sống sợ chết hay để hưởng thụ ở thế gian này. Thực ra sự hưởng thụ trên thế gian làm sao sánh bằng Thế giới Cực Lạc ở Tây Phương! Cái nhà mà chúng ta cho là đẹp và sang trọng nhất, đối với người cõi Tây phương Cực Lạc họ không màng đến, bởi vì nhà cửa của họ ở là thất bảo cung điện, sàn nhà toàn bằng lưu ly (cám thạch), đường đi trải bằng vàng, thức ăn chi cần nghĩ đến liền hiện ra, đồ vật mọi thứ đều do tâm nghĩ tưởng mà hiện hình.

Do tập khí ở thế gian nên có lúc khởi niệm ăn uống đến khi giác ngộ lại thức ăn liền biến mất. Cho nên nhà ở cõi Tây Phương Cực Lạc trống không, sạch sẽ vô cùng và không cần có nhà bếp. Quý vị thấy cuộc sống như vậy có sung sướng không? Còn chúng ta đây, đồ đạc chất chứa đầy nhà, muốn dọn dẹp cho gọn gàng sạch sẽ cũng phải mất nhiều thời giờ và phiền phức vô cùng. Cho nên người niệm Phật đến khi công phu thành tựu rồi, nếu xét thấy mình không đủ duyên hóa độ chúng sanh ở thế gian này họ đều mong sớm được lên Tây Phương Cực Lạc để hưởng phước.

Sau khi lên đến thế giới Cực Lạc rồi, mỗi ngày



được thấy Phật, được cúng dường mười vạn ức Phật. Trong Kinh Di Đà nói mười vạn ức Phật, thực tế quý vị có thể cúng dường vô lượng hằng hà sa số Phật. Sở dĩ ngài nói ít hơn như vậy vì Phật rất từ bi, ngài biết sự tình thức của chúng sanh còn rất hạn chế, lên đến đó rồi mà đôi lúc còn khởi tâm nghĩ nhớ về ngôi nhà cũ và những người thân còn ở thế gian. Do đó ngài, mới phương tiện, mà nói cúng dường con số ít hơn thực tế như vậy và bảo chúng ta còn thể trở lại thăm thế gian bất cứ lúc nào đều có thể được.

Thế giới Tây Phương Cực Lạc trang nghiêm đẹp đẽ như thế. Đi đến đâu cũng có những thành tựu tốt đẹp như thế. Vì sao chúng ta không tranh thủ đi sớm?

Một pháp môn có thể thành tựu dễ dàng như vậy. Đối với các vị Bồ tát thành tựu ở những pháp môn khác, nếu không nhập vào cảnh giới này, đều cho là một pháp môn khó tin, khó hiểu.

Cũng giống như chúng ta nói với mọi người rằng niệm Phật dường là nơi rất tốt, rất thù thắng để tu tập. Họ nghe qua dễ gì tin ngay. Nhưng sau vài ngày đến đây niệm Phật rồi họ mới chịu tin. Một việc nhỏ ở thế gian này mà người đời còn không hiểu không tin được, nói gì đến cảnh giới thù thắng, viên mãn ở thế giới Tây Phương Cực Lạc.

Từ chuyện nhỏ suy rộng đến chuyện lớn. Chúng ta có thể nhận thức được phần nào để tăng trưởng thêm niềm tin và thiện căn của mình hầu đem hết tâm nguyện của mình ra niệm Phật cầu sanh Tịnh Độ.

Chắc chắn sẽ được thành tựu.



---

*“Tôi không tưởng được là có một bài kinh nào có tựa đề là Kinh Cải Bắp. Nhưng thì đó, có cây bắp cải ấy, tầm thường, bình dân, không màu mè, không phô trương... và có tôi ở đó chợt hiểu và thấy rõ được sự sống của mình hơn trên con đường tu tập.”*

(Trích Bài kinh từ cây cải bắp)

---

Nguyễn Duy Nhiên là tác giả của nhiều tựa sách Thiền đặc sắc, như: *Còn nương tựa thì còn dao động*, *Một hạnh phúc không đổi thay*, *Thiền tâm sơ tâm*, *Đức Phật bên trong*, *Hơi thở của Phật*, *Lời kinh xưa, buổi sáng nay*,...

Đặc biệt là Blog "[nguyenduynhien.blogspot.com](http://nguyenduynhien.blogspot.com)" với nhiều bài viết ngắn mang đậm dấu ấn Thiền đã trở thành địa chỉ quen thuộc với những độc giả yêu thích Thiền học.

Hương Thiền xin được hân hạnh giới thiệu cùng độc giả một số bài viết (hoặc dịch) của anh từ những trang blog này.

## *1. Bài kinh từ cây cải bắp*

Có lần tôi tu tập tại thành phố Bernares, ở Ấn độ, trong một tu viện nằm giữa một bên là trạm xe buýt và một bên là ga xe lửa. Ngay giữa một nơi xô bồ và náo nhiệt này, có một miếng vườn rất nhỏ, chưa đến một mét vuông.

Một hôm tôi ngồi ở ngoài, cạnh bên những mảnh cỏ có vài cây ấu, tôi chợt nhận thấy trong miếng vườn nhỏ có một cây bắp cải đang mọc. Và trong giây phút ấy, bỗng dưng tôi có một kinh nghiệm rất kỳ diệu và sâu sắc. Ngồi đó, chỉ nhìn vào cây bắp cải ấy, tôi chợt ý thức được rất rõ sự đồng nhất của mình với nó!

Tôi thấy rõ được những năng lượng của đất trời đang tụ hội lại với nhau, theo một hình thể đặc biệt, vào một thời điểm nhất định, với những hình

tướng, những màu sắc biến đổi, cùng phối hợp với nhau, chúng được khởi lên, sanh ra, già đi, và rồi hư hao, hoại diệt.

Và tôi cũng ý thức rằng, cái mà tôi gọi là “cái ta” này đây, nó cũng chỉ là những năng lượng của thiên nhiên hợp lại với nhau theo một hình tướng nào đó, trong một giai đoạn nào đó, và rồi cũng được sanh ra, già nua, hư hao và hoại diệt. Tôi thấy rõ là mình được cấu tạo nên do bởi một số yếu tố, và không có một cái tôi nào nằm bên ngoài, hay là phía sau những phần tử ấy hết. Tất cả chỉ là một dòng chảy liên tục của năng lượng, của sự sống. Ngồi yên đó, tôi hoàn toàn trở thành là một với cây bắp cải.

### *Thấy rõ được chính mình*

Tôi nhớ trong nhà thiền có kể câu chuyện, trong một lần thuyết pháp đức Phật chỉ cầm một cành hoa và đưa lên. Ngài không nói một lời nào hết, chỉ đưa lên một cành hoa thôi. Và nơi mảnh vườn nhỏ bé này, ngay lúc đó, tôi hiểu được rằng, chỉ trong một giây phút nhìn sâu sắc vào một sự kiện, hay một kinh nghiệm, hay một đồ vật, hay một người nào đó, ta sẽ có thể chứng nghiệm được hết tất cả những quy luật của thiên nhiên, và chân lý của sự sống.

Trong giây phút ấy, bỗng dưng tôi nhìn tất cả sự vật từ một góc độ hoàn toàn mới lạ. Tôi thấy rõ rằng tất cả mọi vật chung quanh ta, tự nó đều không hề có một thực thể nào hết. Và ngay chính chúng ta cũng không có một cái tôi cố định và bất biến nào mà ta cần phải tranh đấu để chiến thắng nó. Trên

con đường tu tập, không phải chúng ta đối diện với một kẻ thù hung hãn là một *cái tôi* cần phải vượt thắng và loại trừ. Mà thật ra là làm sao ta thấy rõ được tự tánh của mọi sự vật, và quan trọng hơn hết là tự tánh của chính mình, *our true nature*.

### ***Cái thấy sai lầm mới là nguyên do***

Cũng ví như nếu ta muốn làm ngã một cây trong rừng, phương cách hữu hiệu\* và trực tiếp nhất là ta hãy tìm cách bứng nhỏ nó lên cho tận gốc. Gốc rễ của cây ấy, của những muện phiền và sợ hãi trong đời sống hằng ngày của ta, chính là *cái thấy sai lầm* của mình. Chúng ta có thể bước đến, lật từng chiếc lá một, bẻ từng nhánh con, rồi chặt từng cành cây, xong rồi ta bắt đầu lột vỏ cây ra, chặt đẽo thân cây từng chút một, để cuối cùng đi xuống đến rễ. Hay là ta chọn một phương cách trực tiếp và hữu hiệu hơn.

Trên con đường tu tập, ta chỉ có một sự đối đầu duy nhất là với cái thấy sai lầm của chính mình. Một cái thấy sai lầm chính là gốc rễ của những muện phiền và bất an trong cuộc sống của chúng ta. Tất cả mọi nỗ lực của ta là làm sao để mình có được một tuệ giác, một cái nhìn sáng tỏ và rộng lớn hơn. Chúng ta không cần phải vất vả với từng nhánh cây, từng chiếc lá... thật ra ta chỉ cần nhìn cho rõ để thấy được tự tánh của mọi vật mà thôi.

### ***Bài kinh từ cây cái bắp***

Tôi có được một giây phút ấy nơi miếng vườn bé nhỏ trong một tu viện ở Benares, giữa một nơi chốn ồn ào và náo nhiệt. Tôi cũng cảm thấy hơi chút xấu hổ vì một cây bắp cải “thấp hèn” đã là một

phương tiện trong lúc đó giúp làm sáng tỏ cái nhìn của mình... Tôi không tưởng được là có một bài kinh nào có tựa đề là Kinh Cải Bấp. Nhưng thì đó, có cây bắp cải ấy, tầm thường, bình dân, không màu mè, không phô trương... và có tôi ở đó chợt hiểu và thấy rõ được sự sống của mình hơn trên con đường tu tập.

**Sharon Salzberg**

*Nguyễn Duy Nhiên dịch*

## 2. Những dấu lặng

Chúng ta thường nghĩ rằng một người thành công, hay là một người có ích cho đời là một người rất bận rộn. Người ta thường nói thì giờ là vàng bạc, vì vậy lúc nào ta cũng phải biết tận dụng thì giờ của mình, không được hoang phí. Nhưng có một nhà văn Trung Hoa, ông Lâm Ngữ Đường, nói rằng, “Thì giờ có ích lợi nhất khi nó không bị bắt dùng vào một việc gì hết. Thì giờ cũng được ví như khoảng trống trong một căn phòng.” Khoảng trống ấy đâu có sử dụng cho việc gì đâu, nhưng nó rất là cần thiết.

Cũng như trong nghệ thuật cắm hoa. Một yếu tố quan trọng trong sự cắm hoa là khoảng không gian chung quanh những nhánh hoa, những cành lá. Chứ không phải hễ càng cắm cho nhiều hoa, chen chúc với nhau, là đẹp. Nhìn vào ta phải thấy nhẹ mát, phải cảm nhận được nơi ấy một không gian thanh thang.

Ta có thể ví dụ cuộc sống như là một bài nhạc. Trong một bài nhạc bao giờ cũng có những

dấu lặng, và những khoảng cách giữa hai nốt nhạc với nhau. Thiếu những khoảng trống ấy, thì bản nhạc không thể là một bản nhạc, nó chỉ là một âm thanh kéo dài vô nghĩa mà thôi.

Một nhạc sĩ dương cầm tài danh, *Artur Schnabel*, chia sẻ về nghệ thuật chơi đàn của ông như sau, “Tôi không nghĩ là mình chơi đàn hay hơn bất cứ một nhạc sĩ nào khác, những nốt nhạc trong một bài nhạc đều giống y như nhau, chúng cũng chỉ có vậy thôi. Nhưng tôi biết cách sử dụng những khoảng cách giữa hai nốt nhạc. Mà nghệ thuật nằm ở những nốt nghỉ đó. Chúng làm cho bản nhạc hay hơn.”

Bạn biết không, mọi vật trên vũ trụ đều có một nhịp điệu riêng, từ sự chuyển động của một hạt nguyên tử nhỏ bé, cho đến trái đất, mặt trăng và các dãy ngân hà xa xôi. Tất cả đều có một *rhythm* riêng của nó. Chung quanh ta, trời có mưa nắng, thiên nhiên cây lá có bốn mùa, thủy triều có lên xuống...

Sự sống của ta cũng vậy, cũng có những sự mất còn, đến đi, cần thiết của nó. Có những lúc ta bước tới, nhưng cũng có những lúc ta cần sự dừng lại. Nếu như ta chỉ biết đi tới mà không còn dừng nghỉ, thì sự sống này chỉ còn có một chiều duy nhất mà thôi, nó sẽ lạc mất nhịp điệu.

Bạn hãy làm cho cuộc sống mình được tốt đẹp hơn, hạnh phúc hơn, trong sáng hơn, bằng cách chú ý và trân quý đến những khoảng trống, những dấu lặng trong đời mình. Và bạn biết không, nghệ thuật sống đẹp của chúng ta nằm ở nơi những khoảng trống đó.

### 3. Cây hồng táo xưa vẫn còn đó

Tôi nhớ câu chuyện về đức Phật trong thời gian Ngài còn đang trên con đường tìm đạo. Trước khi giác ngộ dưới cội bồ đề, Phật đã có thời gian đi theo con đường khổ hạnh. Ngài nhịn ăn, nhịn uống, không ngủ, thân ngài chỉ còn da bọc xương mà thôi. Cho đến một hôm, quá đuối sức, Phật tự nghĩ, “Nếu mà những bậc tu sĩ khác có thực tập khổ hạnh thì cũng chỉ đến mức này thôi! Nhưng tại sao ta vẫn không cảm thấy chút gì là giác ngộ, hay được giải thoát hết! Phải có một con đường nào khác nữa chứ!”

Lúc đó Phật chợt nhớ lại ngày xưa khi còn nhỏ là một thái tử, có một lần được theo Vua cha ra ngoài thành, đến một miền đồng quê. Trong khi Vua cha đang quan sát người khác làm việc, thái tử tìm đến dưới gốc một cây hồng táo ngồi lặng yên. Bỗng nhiên, khi đó tâm Ngài trở nên rất tĩnh lặng. Thái tử cảm thấy bên trong mình tự nhiên có một niềm hỷ lạc rất sâu sắc.

Niềm vui ấy không hề xuất phát từ bất cứ một nguyên nhân nào ở bên ngoài. Nó có mặt ngay bên trong, với một tâm hồn tĩnh lặng. Nhưng trên con đường tìm kiếm, tu tập khổ hạnh, Phật đã vô tình đánh mất đi cái hạnh phúc ban đầu đó. Một hạnh phúc rất đơn sơ, nhưng sâu sắc và rất thực. Nó không đòi hỏi ta phải nắm bắt hoặc né tránh một điều gì trên cuộc đời này.

Sau khi Phật nhớ lại niềm an lạc ấy, bỗng



dung trong tâm Ngài chợt có một nỗi sợ hãi phát sinh lên. Ngài lại tiếp tục nhìn sâu hơn và tự hỏi, “Tại sao ta lại cảm thấy sợ sệt đối với niềm vui ấy, một hạnh phúc không nương tựa vào một cái gì hết?”. Và Phật thấy được rằng, sở dĩ ta có nỗi sợ ấy là vì niềm an vui đó không hề bắt nguồn từ một sự thỏa mãn ái dục hay một mong cầu nào của mình! Những sự rèn luyện, thành đạt mà ta hằng cố gắng đeo đuổi, chỉ là một ảo tưởng.

Ta không cần phải có một cái gì, đạt được một điều gì, trở thành một người nào, hoặc né tránh một việc gì hết. Những điều ấy có thể mang đến cho ta một niềm hạnh phúc tạm thời, nhưng không thể là chân thật. Chúng cũng như một nén nhang tàn. Khi ta thắp lên một nén hương, lúc mình đang ngửi được mùi thơm ấy, thì phần nhang đó cũng đã cháy tàn rồi.

Và ý thức ấy bắt buộc ta phải quay nhìn lại chính mình trong giờ phút này, buông bỏ hết những mong cầu, để thấy rõ những gì đang có mặt trong thực tại! Biết được rằng, chân hạnh phúc không hề tùy thuộc vào những gì ta có, hay phải qua một sự rèn luyện khó nhọc nào, mà chỉ cần một thái độ buông bỏ với cái thấy trong sáng, đó là một sự giải thoát rất lớn.

Mà bạn biết không, cây hồng táo ngày xưa của chúng ta vẫn còn đó, chỉ cần mình biết quay trở về thôi...



*Pháp Chiếu đại sư*

# Pháp Chiếu Đại Sư

(Liên Tông Tứ Tổ)

HT. Thích Thiên Tâm

Trong năm Đại Lịch thứ hai đời nhà Đường, hàng đạo tục được biết ngài Pháp Chiếu đại sư ở chùa Vân Phong tại Hoàn Châu, thường chuyên cần tu tập pháp môn Niệm Phật tam muội.

Một buổi sáng, vào lúc thanh trai, ngài thấy trong bát cháo ở Tăng đường; hiện rõ bóng mây ngũ sắc. Trong mây hiện ra cảnh sơn tự, phía Đông bắc chùa có dãy núi, chân núi có khe nước. Phía Bắc khe nước có cửa ngõ bằng đá. Trong ngõ đá lại có một ngôi chùa to, biển đề “Đại Thánh Trúc Lâm Tự”. Mấy hôm sau, ngài lại thấy nơi bát cháo hiện rõ cảnh chùa lớn ấy, gồm vườn ao, lầu đài tráng lệ nguy nga, và một vạn Bồ Tát ở trong đó.

Ngài đem cảnh tượng ấy hỏi các bậc tri thức. Một vị cao Tăng bảo: “Sự biến hiện của chư Thánh khó nghĩ bàn được. Nhưng nếu luận về địa thế non sông, thì đó là cảnh Ngũ Đài Sơn”. Nghe lời ấy ngài có ý muốn đến viếng Ngũ Đài thử xem sự thật ra thế nào”.

Năm Đại Lịch thứ tư, Đại sư mở đạo tràng niệm Phật tại chùa Hồ Đông. Ngày khai hội cảm mây lành giăng che chốn đạo tràng. Trong mây hiện ra cung điện lầu các Phật A Di Đà cùng hai vị Bồ Tát Quán Âm, Thế Chí hiện thân vàng sáng chói cả hư

không. Khắp thành Hoành Châu, bá tánh trông thấy đều đặt bàn đốt hương đánh lễ. Cảnh tượng ấy hiện ra giây lâu mới ảm mất. Do điềm lành này, rất nhiều người phát tâm tinh tấn niệm Phật. Đạo tràng khai liên tiếp được năm hội.

Một hôm, Đại sư gặp cụ già bảo: “Ông từng có ý niệm muốn đến Kim Sắc thế giới tại Ngũ Đài Sơn, để đánh lễ đức Đại Thánh Văn Thù sao đến nay vẫn chưa thật hành ý nguyện?”. Nói xong liền ảm mất. Được sự nhắc nhở, ngài sửa soạn hành trang, cùng mấy pháp hữu, đồng viếng Ngũ Đài.

Năm Đại Lịch thứ năm, vào ngày mùng sáu tháng tư, Đại sư cùng đồng bạn mới đến chùa Phật Quang ở huyện Ngũ Đài. Đêm ấy, vào khoảng canh tư, ngài thấy ánh sáng lạ từ xa chiếu đến thân mình, liền nhắm phòng chùng tia sáng mà theo dõi. Đi được năm mươi dặm thì đến một dãy núi, dưới chân núi có khe nước, phía Bắc khe có cửa công bằng đá. Nơi cửa có hai vị đồng tử đứng đón chờ, tự xưng là Thiện Tài và Nan Đà. Theo chân hai đồng tử dẫn đường, ngài đến một ngôi chùa nguy nga, biển đề: “Đại Thánh Trúc Lâm Tự”. Nơi đây đất vàng, cây báu, ao sen, lầu các rất kỳ diễm trang nghiêm. Cảnh giới quả đúng như ảnh tượng đã thấy nơi bát cháo khi trước.

Ngài vào chùa, lên giảng đường, thấy Đức Văn Thù bên Tây, đức Phổ Hiền bên Đông. Hai vị đều ngồi tòa sư tử báu cao đẹp, đang thuyết pháp cho một muôn vị Bồ tát ngồi phía dưới lặng lẽ lắng nghe. Pháp Chiếu bước đến chí thành đánh lễ, rồi quỳ xuống thưa rằng: “Kính bạch Đại Thánh! Hàng

phàm phu đời mạt pháp, cách Phật đã xa, chương nặng nghiệp sâu, tri thức kém hẹp, tuy có Phật tánh mà không biết làm sao hiển lộ. Giáo pháp của Phật lại quá rộng rãi mênh mông, chưa rõ pháp môn nào thiết yếu để tu hành cho mau được giải thoát?”

Đức Văn Thù bảo:

*“Thời kỳ này chính là đúng lúc các người nên niệm Phật. Trong các hành môn không chi hơn niệm Phật và gồm tu phước huệ. Thuở đời quá khứ, ta nhờ quán Phật, niệm Phật, cúng dường Tam Bảo mà được Nhất thiết chủng trí. Tất cả các pháp như: Bát Nhã Ba La Mật, những môn thiền định rộng sâu, cho đến chư Phật cũng từ niệm Phật mà sanh. Vì thế nên biết, Niệm Phật là vua trong các pháp môn”.*

Ngài Pháp Chiếu lại hỏi:

Bạch Đại Thánh! Nên niệm như thế nào?

Đức Văn Thù dạy:

Về phương Tây của thế giới này, có Phật A Di Đà giáo chủ cõi Cực Lạc. Đức Thế Tôn đó nguyện lực không thể nghĩ bàn! Người nên chuyên niệm danh hiệu của ngài nối tiếp không gián đoạn, thì khi mạng chung, quyết được vãng sanh, chẳng còn bị thối chuyển.

Nói xong, hai vị Đại Thánh đồng đưa tay vàng xoa đầu ngài Pháp Chiếu và bảo rằng:

Do người niệm Phật, nên không lâu sẽ chứng được quả Vô thượng Bồ Đề. Nếu thiện nam tín nữ nào muốn mau thành Phật, thì không chi hơn niệm Phật. Kẻ ấy nhất định sẽ mau lên ngôi Chánh Đẳng Chánh Giác.

Được hai vị Đại Thánh thọ ký xong ngài

Pháp Chiêu vui mừng đánh lễ rồi từ tạ lui ra.

Hai đồng tử khi nãy theo sau tiễn đưa. Vừa ra khỏi cổng, ngài quay lại thì người và cảnh đều biến mất. Ngài liền dựng đá đánh dấu chỗ ấy, rồi trở về chùa Phật Quang.

Đến ngày 13 tháng 4, Pháp Chiêu Đại sư cùng hơn năm mươi vị Tăng đồng đến hang Kim Cang, thành tâm đánh lễ hồng danh ba mươi lăm đức Phật. Vừa lạy được mười lượt, ngài bỗng thấy hang Kim Cang rộng lớn thanh tịnh trang nghiêm có cung điện bằng lưu ly, đức Văn Thù, Phổ Hiền đồng ngự trong ấy. Hôm khác, ngài lại đi riêng đến hang Kim Cang, gieo mình đánh lễ, nguyện thấy Đại Thánh. Đang khi lạy xuống vừa ngược lên, Đại sư bỗng thấy một Phạm Tăng tự xưng là Phật Đà Ba Ly. Vị này đưa ngài vào một đại điện trang nghiêm, biển đề là Kim Cang Bát Nhã Tự. Toàn điện nhiều thứ báu lạ đẹp màu, ánh sáng lấp lánh. Dù đã nhiều lần thấy sự linh dị, nhưng ngài vẫn chưa thuật lại với ai cả.

Tháng chạp năm ấy, ngài nhập đạo tràng niệm Phật nơi chùa Hoa Nghiêm định kỳ tuyệt thực tu hành, nguyện vãng sanh về Tịnh độ. Đêm đầu hôm, ngày thứ bảy, đang lúc niệm Phật, Đại sư bỗng thấy một vị Phạm Tăng bước vào bảo: “Ông đã thấy cảnh giới ở Ngũ Đài Sơn, sao không truyền thuật cho người đời cùng được biết?”. Nói xong, liền ẩn mất.

Hôm sau, trong lúc niệm Phật, vị Phạm Tăng hiện ra, bảo y như trước. Ngài đáp: “Không phải tôi dám giấu kín thánh tích, nhưng chỉ sợ nói ra người đời không tin sanh sự chê bai mà thôi”. Phạm Tăng

bảo: “Chính đức Đại Thánh Văn Thù hiện tại ở núi này, mà còn bị người đời hủy báng, thì ông còn lo ngại làm chi? Hãy đem những cảnh giới mà ông thấy được truyền thuật với chúng sanh làm duyên cho kẻ được biết, phát khởi tâm Bồ đề”. Ngài tuân lời, nhớ kỹ lại những sự việc đã thấy, rồi ghi chép ra truyền lại cho mọi người.

Năm sau, sư Thích Huệ Tùy ở Giang Đông cùng với chư Tăng chùa Hoa Nghiêm, theo Pháp Chiếu đại sư đến hang Kim Cang lễ Phật. Kế đó lại đến chỗ dựng đá lúc trước để chiêm ngưỡng dấu cũ. Đại chúng còn đang ngậm ngùi ngưỡng vọng, bỗng đồng nghe tiếng chuông hồng chung từ vách đá vang ra. Giọng chuông thanh thoát ngân nga, nhặt khoan rành rẽ. Ai nấy đều kinh lạ đồng công nhận những lời thuật của ngài Pháp Chiếu là đúng sự thật. Vì muốn cho người viếng cảnh đều phát đạo tâm, Tăng chúng nhân cơ duyên ấy, khắc những sự việc của ngài nghe thấy vào vách đá. Về sau ngay nơi đó, một cảnh chùa trang nghiêm được dựng lên, vẫn lấy hiệu là Trúc Lâm Tự để lưu niệm.

Triều vua Đức Tông, Pháp Chiếu đại sư mở đạo tràng niệm Phật tại Tinh Châu, cũng liên tiếp được năm hội. Mỗi đêm vua và người trong cung nghe tiếng niệm Phật rất thanh thoát từ xa đưa vắng lại. Sau khi cho người dò tìm, được biết đó là tiếng niệm Phật ở đạo tràng tại Tinh Châu, nhà vua phái sứ giả mang lễ đến thỉnh ngài vào triều. Ngài mở đạo tràng niệm Phật tại hoàng cung, cũng gồm năm hội. Vì thế, người đương thời gọi ngài là Ngũ Hội Pháp Sư.

唸

Niệm (bộ Kim - hiện tại, ở phía trên chữ Tâm): Đem tâm về hiện tại

Từ đó Đại sư tinh tấn tu hành, ngày đêm không trễ. Một đêm nọ ngài thấy vị Phạm Tăng khi trước là Phật Đà Ba Ly hiện đến bảo: “Hoa sen công đức của ông nơi ao thất bảo ở cõi Cực Lạc đã thành tựu. Ba năm sau là đúng thời kỳ hoa nở, ông nên chuẩn bị”. Đến kỳ hạn, Đại sư gọi Tăng chúng lại căn dặn rằng: “Ta về Cực Lạc, mọi người phải gắng tinh tu!” Nói xong, ngài ngồi ngay yên lặng mà tịch.



# CÁC HẠNH VĂNG SANH, NIỆM PHẬT ĐỆ NHẤT

*(Khai thị của pháp nhiên thượng nhân)*

1) Thánh Đạo Môn tuy thâm diệu, nhưng thời điểm và căn cơ chẳng tương ứng. Tịnh Độ Môn hình như là nông cạn, nhưng thời điểm và căn cơ đều tương ứng. Thời Mạt Pháp một vạn năm, các kinh điển khác đều tiêu diệt, chỉ còn pháp môn niệm Phật A Di Đà để cứu độ chúng sanh.

2) Tông Tịnh Độ siêu hơn các tông. Hạnh Niệm Phật siêu hơn các hạnh. Bởi vì thâm nhiếp tất cả các cơ vậy.

3) Chẳng luận có tội hay vô tội, chẳng kể là tri giới hay phá giới, nếu căn cứ vào thời điểm và căn cơ thì chỉ có pháp môn Tịnh Độ (Hạnh Niệm Phật) là yếu pháp để thoát khỏi sinh tử trong đời này.

4) Để đời này thoát khỏi sinh tử, không gì hơn vãng sinh Tịnh Độ. Để được vãng sinh Tịnh Độ, không gì hơn Niệm Phật.

5) Tu Niệm Phật để cầu vãng sinh Tịnh Độ, thì tương ứng với tâm của Đức Thích Ca, Đức A Di Đà. Tu các hạnh khác để cầu vãng sinh Tịnh Độ thì mâu thuẫn với tâm của Đức Thích Ca, Đức A Di Đà.

6) Để được vãng sinh cõi Cực Lạc, thì dù diệu hạnh gì chẳng nữa cũng không hơn niệm Phật. Vì sao thế? Vì niệm Phật là hạnh tương ứng với Bản Nguyên của Đức Phật A Di Đà vậy.



# Trì chú Đại Bi đúng pháp

Chân Hạnh



Bồ Tát Quán

Thế Âm đã hứa với chúng ta: “Nếu hành giả có thể tụng trì đúng pháp, khởi lòng thương xót tất cả chúng sanh, lúc ấy ta sẽ sắc cho tất cả Thiện thần, Long vương, Kim Cang, Mật tích

thường theo ủng hộ, không rời bên mình, như giữ gìn tròn con mắt hay thân mạng của chính họ”.

Như vậy, thế nào là tụng trì chú đại bi đúng pháp?

Trong phần hình trạng tướng mạo đã chỉ rõ mười đặc tính cốt yếu của Thần chú Đại Bi mà quan trọng hàng đầu là tâm Đại Từ Bi, cho nên mỗi lần trì tụng thần chú này hành giả phải bắt đầu hướng

tâm vào việc quán tưởng khởi lòng thương xót tất cả chúng sanh. Một cách lý tưởng, để đạt được những công năng mà thần chú mang lại, trong thời gian trì tụng, hành giả phải giữ gìn giới hạnh, đặc biệt là sát, đạo, dâm, vọng. Phải kiêng cử rượu thịt, các thứ hành, hẹ, tỏi, cùng các thức ăn hôi hám. Tốt nhất là nên ăn chay.

Phải giữ vệ sinh thân thể, thường xuyên tắm gội, thay đổi y phục sạch sẽ, không nên để cho trong người có mùi hôi. Trước khi trì chú cũng phải đánh răng, súc miệng sạch sẽ, nếu trước đó có đi đại tiện, tiểu tiện thì phải rửa tay sạch sẽ trước khi trì tụng. Tóm lại, “Giữ gìn trai giới, ở nơi tịnh thất, tắm gội sạch sẽ, mặc y phục sạch, treo phan đốt đèn, dùng hương hoa cùng thực phẩm cúng dường, buộc tâm một chỗ”, đó là tất cả những điều kiện lý tưởng để hành giả trì chú Đại Bi. Tuy nhiên, như phần trên đã nói, Bồ Tát Quán Thế Âm chỉ yêu cầu chúng ta hai điều mỗi khi trì tụng chú Đại Bi, đó là thành tâm và không mưu cầu những việc bất thiện. Điều này cho phép hành giả có thể trì tụng bất cứ lúc nào mà điều kiện cho phép. Trên xe, trên tàu, trên máy bay, tại sở làm, tại nhà... Với tâm thành, tâm chúng ta lúc đó sẽ hòa nhập vào lời trì tụng để cùng thể nhập vào pháp giới, mười phương chư Phật. Bởi vì Bồ Tát đã cho chúng ta biết, mỗi lần trì tụng thần chú Đại Bi, thập phương chư Phật đều đến chứng minh.

### **Bàn thờ**

Hành giả nên có một phòng riêng yên tĩnh để lập bàn thờ Bồ Tát. Bàn thờ nên có hình tượng Bồ Tát ngàn tay, ngàn mắt. Nếu không có thì có thể

sử dụng bất cứ hình tượng Bồ Tát Quán Thế Âm nào mà mình hiện có. Hình tượng Bồ Tát nên để day mặt về hướng Tây. Trên bàn thờ tuy không bắt buộc nhưng nên có hoa tươi, trái cây, lư hương để cắm nhang, nước cúng. Nên để đèn sáng mỗi khi hành lễ.

### **Cách thức ngồi, lạy**

Mỗi người nên có một tọa.cụ, hoặc đơn giản hơn, một miếng vải sạch hay khăn bông xếp lại để làm chỗ tọa thiền. Hành giả nên ngồi theo cách thức kiết già nhưng nếu gặp khó khăn thì có thể ngồi theo cách thức bán già (ngồi xếp bằng, chân phải gác lên chân trái hay ngược lại), lòng bàn tay để ngửa hướng lên trên, bàn tay mặt để lên trên bàn tay trái, hai đầu ngón cái đung vào nhau. Mắt nên mở hé, nếu nhắm hẳn thì dễ rơi vào trạng thái hôn trầm, nếu mở lớn thì khó định tâm.

Lạy là nghi thức biểu lộ sự cung kính, tôn trọng. Cho nên, chúng ta có thể thực hành một cách lạy tương đối đơn giản trong khi hành lễ, là thiền sinh cứ ngồi theo tư thế hành thiền, kiết già hay bán già, khi lạy chỉ cúi gập đầu xuống sàn phía trước, kéo dài tư thế này một khoảng thời gian ngắn đủ để niệm một câu “Nam Mô Đại Bi Quán Thế Âm Bồ Tát”, xong ngồi dậy.

### **Cách thức tụng đọc chú Đại Bi**

Chú Đại Bi phải nên được trì tụng lớn tiếng, giọng điệu trầm hùng, nhanh và liên tục bằng cách lấy hơi từ bụng ra. Lớn tiếng ở đây không có nghĩa là ta phải la lớn lên, nhưng giọng đọc phải rõ ràng, nghe đủ tiếng, không lờ mờ, trại giọng.

Kinh “Nghệp Báo Sai Biệt” cho biết việc niệm Phật, tụng kinh, trì chú lớn tiếng có mười công đức sau đây:

1. Dẹp được sự buồn ngủ ám ảnh
2. Thiên ma hoảng sợ
3. Tiếng vang khắp mười phương
4. Ba đường hết khổ
5. Tiếng đời chẳng lọt vào tai
6. Lòng không tán loạn
7. Đồng mãnh tinh tấn
8. Chư Phật vui mừng
9. Tam muội hiện ra trước mắt
10. Vãng sanh Tịnh Độ

Thật sự, ta cũng sẽ không lo ngại cơn buồn ngủ ám ảnh. Bởi vì khi trì tụng chú Đại Bi, các vị Thiên, Long, Hộ Pháp sẽ luôn ở bên cạnh ta, khi ta rơi vào cơn buồn ngủ, các Ngài sẽ giúp đánh thức ta-mà rồi quý vị sẽ chứng nghiệm khi thực hành trì chú một cách nghiêm túc- bằng một âm thanh như tiếng sấm nổ ở trong đầu khiến ta hoảng hồn, giật mình tỉnh thức. Thông thường sau đó ta sẽ không còn (hoặc không dám) buồn ngủ nữa. Tuy nhiên, nếu việc này xảy ra một lần thứ hai trong buổi hành Thiên, điều này có nghĩa là thể xác ta quá mỏi mệt, ta nên xin phép được xả thiền để nghỉ ngơi.

Tuy nhiên trong một số trường hợp đặc biệt phải tụng thầm chỉ riêng cho mình nghe, hoặc chỉ nhép môi không ra tiếng như khi chúng ta đang làm việc, đi chung xe tàu với người khác, hoặc đi nằm trước khi ngủ.

# Tình không

*Triều Tâm Ảnh*

Trần gian

Trăm việc tạm quên

Thơ đề góc núi

Đầy hiên nắng vàng

Gió trắng

Thế sự không bàn

Giác thiền lặng lẽ

Nhẹ nhàng tình không!

# THẦN CHỦ ĐẠI BI

(Phiên bản tiếng Phạn)

## Nīlakaṇṭha Dhāranī

### नीलकण्ठ धारणी

Namo ratnatrayāya namah ui arya avalokiteśvarāya

नमो रत्नत्रयाय नमह् अर्य अवलोकितेश्वराय

bodhisattvāya mahāsatvāya mahākārunikāya

बोधिसत्त्वाय महासत्वाय महाकारुणिकाय

oṃ sarvarabhaya sudhanadasye namaskrtvā imam

ॐ सर्वरभय सुधनदस्ये नमस्कृत्वा इमम्

āryāvalokiteśvara raṃdhava namo narakindi.

आर्यावलोकितेश्वर रंधव नमो नरकिन्दि।

hrih mahāvadhasama sarva athadu śubhuṃ ajeyaṃ.

ह्रिह महावधसम सर्व अथदु शुभं अजेयं।

sarva satya nama, vastya namo vāka, mārga dātuh.

सर्व सत्य नम वस्त्य नमो वाक मार्ग दातुह।

tadyathā oṃ avaloki locate karate, e hrih

तद्यथा ॐ अवलोकि लोचते करते ए ह्रिह

mahābodhisattva. sarva sarva, mala mala, mahima hṛdayam,

महाबोधिसत्त्व। सर्व सर्व मल मल महिम हृदयम्

kuru kuru karmuṃ, dhuru dhuru vijayate mahāvijayate,

कुरु कुरु कर्म धुरु धुरु विजयते महाविजयते

dhara dhara dhirīniśvarāya, cala cala, mama vimala muktele,

धर धर धिरीनिश्वराय चल चल मम विमल मुक्तेले

ehi ehi, śina śina, āraṣaṃ pracali viṣa viṣaṃ prāśaya.



एहि एहि शिन शिन आरषं प्रचलि विष विषं प्राशय ।

huru huru mara hulu hulu hrih

हुरु हुरु मर हुलु हुलु ह्रिह

sara sara siri siri suru suru bodhiya bodhiya

सर सर सिरि सिरि सुरु सुरु बोधिय बोधिय

bodhaya bodhaya. maitriya nārakindi

बोधय बोधय । मैत्रिय नारकिन्दि

dharṣinina bhayamāna svāhā siddhāya svāhā

धर्षिनिन भयमान स्वाहा सिद्धाय स्वाहा

mahāsiddhāya svāhā siddhayogeśvarāya svāhā

महासिद्धाय स्वाहा सिद्धयोगेश्वराय स्वाहा

narakindi svāhā māraṇara svāhā

नरकिन्दि स्वाहा मारणर स्वाहा

śira samha mukhāya svāhā sarva mahā asiddhāya svāhā

शिर संह मुखाय स्वाहा सर्व महा असिद्धाय स्वाहा

cakra asiddhāya svāhā padma hastrāya svāhā

चक्र असिद्धाय स्वाहा पद्म हस्त्राय स्वाहा

nārakindi vagalaya svāhā mavari śankharāya svāhā

नारकिन्दि वगलय स्वाहा मवरि शन्खराय स्वाहा

namah ratnatrayāya namo āryavalokiteśvarāya svāhā

नमः रत्नत्रयाय नमो आर्यवलोकितेश्वराय स्वाहा

om sidhayantu mantra padāya svāhā

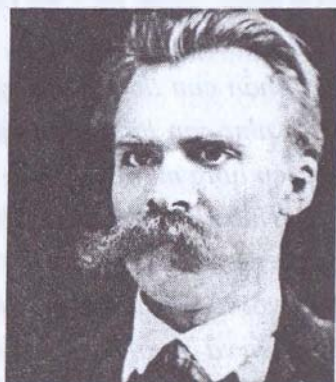
ॐ सिधयन्तु मन्त्र पदाय स्वाहा



# Nietzsche

## và ba cuộc hóa thân của Bồ Tát

Phan Cát Tường



Friedrich Wilhelm Nietzsche (1844-1900), nhà triết học lớn của nước Đức, người được gán cho danh hiệu ông tổ của triết học hiện sinh vô thần (song song với Nietzsche có Kierkegaard - ông tổ triết học hiện sinh

hữu thần).

Tư tưởng triết học của Nietzsche có thể nói nằm gọn trong tác phẩm “Zarathustra đã nói như thế”. Trong đó, ông mượn Zarathustra, một nhân vật huyền thoại trong sử thi Ba Tư để nói lên những thực chứng của bản thân.

Mặc dù ông chịu ảnh hưởng của Phật giáo từ bậc tiền bối Schopenhauer (1788-1860), nhưng ông cũng có cái riêng của mình để phân biệt những chặng đường triết học của bộ ba Kant, Schopenhauer và Nietzsche.

Một trong những điểm đặc sắc nhất của “Zarathustra đã nói như thế” là sự chuyển hóa vĩ đại về tinh thần của một hành giả trên con đường giải thoát, mà Nietzsche hình tượng hóa bằng ba cuộc hóa thân: Từ tinh thần biến thành lạc đà, từ lạc đà biến thành sư tử và từ sư tử biến thành trẻ thơ.

Nietzsche đã viết:

“... Có rất nhiều gánh nặng đối với tinh thần, đối với tinh thần dũng mãnh kiên trì được sự tôn kính khích động: dũng lực của tinh thần ấy đòi hỏi những gánh nặng nề nhất. Có cái gì nặng nề đâu? Tinh thần can đảm cất tiếng hỏi như thế; rồi nó quỳ gối như con lạc đà và muốn người ta chất thật nặng lên lưng mình.”

“... Tinh thần dũng mãnh nhận lãnh tất cả những gánh nặng đó: như con lạc đà vừa được chất hàng xong, vội vã lên đường về sa mạc, tinh thần dũng mãnh cũng vội vã về với sa mạc của đời mình như thế. Nhưng giữa lòng sa mạc hoang liêu cô độc nhất đã thành tựu cuộc hóa thân thứ nhì: ở đây tinh thần biến thành sư tử, tinh thần muốn chinh phục tự do và làm chủ sa mạc riêng của mình.”

“... Nhưng hỏi các anh em, hãy nói ta nghe, đứa trẻ thơ có thể làm điều gì mà con mãnh sư đã không thể làm được? Tại sao con mãnh sư dữ tợn phải biến thành trẻ thơ?”

Trẻ thơ là sự ngây thơ và quên lãng, một sự tái khởi miên viễn, một trò chơi, một bánh xe quay vòng quanh mình, một vận chuyển đầu tiên, một tiếng ‘Vâng’ linh thánh.”<sup>1</sup>

Câu chuyện về hóa thân của Nietzsche làm

chúng ta liên tưởng đến hành trình vi diệu của một hành giả Phật giáo từ lúc phát tâm xuất gia đến khi chứng ngộ Bồ-tát đạo.

Tâm kẻ sơ cơ xuất gia cũng giống như tinh thần biến thành chú lạc đà khô ách. Tâm đầy áp tạp niệm, lại cố chất thêm vào những bài học giáo lý ban đầu dành cho kẻ học Tăng.

Giai đoạn lắng nghe và từ ngộ giáo lý của một hành giả không khác chú lạc đà cố gắng chất chứa thật nhiều hành lý trên cái lưng gầy gò của mình rồi dững mãnh bước vào sa mạc. Ở đó có cát nóng, có bão táp, có sương sa nhưng cũng không thiếu những ốc đảo xinh tươi, không thiếu những đêm trăng thanh và vũ trụ đầy sao trời lấp lánh như những nàng tiên cười cợt gợi tình.

Đó là quả vị Thanh văn, quả vị ban đầu của bậc A-la-hán, nhờ lắng nghe và học hỏi mà thành tựu.

Nếu Nietzsche mượn hình ảnh chú lạc đà băng mình vào sa mạc mênh mông thi Đức Phật trong kinh “*Uu-hà-tắc giới*” đã lấy hình ảnh chú thỏ vượt sông Hằng để ví dụ cho quả vị Thanh văn. Sông Hằng tượng trưng cho giáo lý Thập Nhị Nhân Duyên. Thỏ bơi qua sông Hằng chân không thể chạm đáy sông, như hành giả chứng quả vị Thanh văn nhờ sự cầu học chứ chưa thể chạm đến những trải nghiệm về sự sinh khởi và hoại diệt của các pháp.

Ở cuộc hóa thân thứ hai, lạc đà biến thành sư tử. Đó là khi lạc đà nhận thức được mớ hành lý nặng nề trên lưng kia chi làm làm cản trở bước tiến mình, nên nó quyết định vứt bỏ. Lạc đà thông dong tự tại

trong sa mạc cát vàng mênh mông. Phong thái vô ngại của nó như một con mãnh sư. Nó hiểu mình có thể vươn vai hóa thành mãnh sư ngay lúc này đây.

Từ đây, cuộc hóa thân bắt đầu bằng sự buông xả, bằng tinh thần vô niệm và bằng sự suy tư chín muồi về vòng tuần hoàn mười hai nhân duyên của vạn pháp.

Đó là con đường Duyên giác thừa. Cũng trong kinh “*Ưu-bà-tắc giới*” Phật giảng rõ ràng quả vị Duyên giác có được là do hành giả tư duy và thấu hiểu được lý Duyên sanh. Đức Phật đã mượn hình ảnh con ngựa vượt qua sông Hằng đến bờ bên kia. Vì chân nó không đủ dài nên có lúc chạm được đáy sông, có lúc lại không. Đó là sự tư duy lúc cạn, lúc sâu của hành giả đi trên con đường Duyên giác. Nhưng họ vẫn có thể chứng ngộ được, dù thời điểm đó không có Phật ra đời.

Cuộc hóa thân thứ ba, Nietzsche rất có lý khi mượn hình ảnh của đứa trẻ thơ để làm đích đến cho mãnh sư. Mãnh sư hung tợn, còn trẻ thơ thì hồn nhiên. Nhưng mãnh sư vẫn có thể biến thành trẻ thơ vì tận cùng của sự hung tợn chính là sự hồn nhiên trong trong sáng.

Ở điểm này có thể Nietzsche đã đến gần với cái nhìn của những truyền thống giác ngộ xa xưa. Trong *Phúc Âm*, Jésus đã khuyên mọi người hãy sống với tinh thần trẻ thơ để có thể bước qua cánh cổng Thiên đàng. Trong *Đạo Đức Kinh*, Lão Tử đã tự ví mình như đứa trẻ chưa biết cười, đi không biết chỗ về. Và trong *Kinh Đại Bát Niết-bàn*, Đức Phật cũng ví Bồ-tát hạnh như Anh nhi hạnh.

Cuộc hóa thân thứ ba này không chút dễ dàng nên Nietzsche đã không nói đến con đường nào để sư tử biến thành trẻ thơ; nhưng Đức Phật đã chỉ rõ con đường Lục độ Ba-la-mật là phương tiện thiện xảo để hành giả từ Duyên giác thừa tiến lên Bồ-tát thừa.

Đức Phật đã mượn hình ảnh loài hương tượng, một loài voi chân dài có thể lặn sâu trong nước để ví dụ cho cách mà một hành giả có thể đến với Bồ Tát đạo. Loài hương tượng khi vượt sông Hằng, chân nó luôn bám sát đáy sông nên nó có thể qua bờ kia một cách hoàn hảo, như một hành giả do dốc lòng thực hành Lục độ Ba la mật mà dứt trừ được tập khí và thành tựu viên mãn Bồ tát đạo.

*“Thiện nam tử! Như ba con thú: thò, ngựa và hương tượng, lội qua sông Hằng. Chân thò không chạm đến đáy sông, nổi trên mặt nước mà bơi qua. Chân ngựa thì có lúc chạm đến đáy sông, có lúc không chạm. Chân hương tượng thì lúc nào cũng chạm đến đáy sông. Ở đây, sông Hằng tượng trưng dòng sông mười hai nhân duyên. Khi hàng Thanh văn vượt qua dòng sông mười hai nhân duyên, cũng giống như thò qua sông; khi hàng Duyên giác vượt qua, cũng giống như ngựa qua sông; khi Đức Như Lai vượt qua, cũng giống như loài hương tượng qua sông. Vì thế Đức Như Lai được gọi là Phật. Thanh văn, Duyên giác tuy đoạn phiền não, nhưng chưa đoạn tập khí. Còn Đức Như Lai đã nhổ tận gốc của tất cả phiền não và tập khí, nên gọi là Phật.”<sup>2</sup>*

Hình ảnh Bồ-tát đạo là hình ảnh của Địa Tạng Vương, Quán Thế Âm, Bồ Đại Hòa Thượng, Tế

hành trình thực hiện tinh thần Bồ thí, Trì giới, Nhân nhục, Tinh tấn, Thiền định, Trí huệ.

Ba cuộc hóa thân của một hành giả đi từ Thanh văn lên quả vị Bồ-tát là hành trình tất yếu của một con người tu chứng. Đạo Phật gọi là Bồ-tát. Nietzsche gọi là Siêu Nhân. Zarathustra là một Bồ-tát, một Siêu Nhân, một người chứng ngộ.

Triết học Nietzsche là Triết học vô thần. Ông đã có tuyên ngôn nổi tiếng: “*Gott ist tot!*” (*Thượng Đế đã chết!*). Thực ra đây cũng chỉ là cách nói để giải phóng con người ra khỏi gánh nặng của những giáo điều, những lời răn, những tiên tri đầy ắp sự đe dọa và trừng phạt. Khi con người được giải phóng khỏi ý niệm Thượng Đế - cũng giống như con lạc đà trút khỏi gánh nặng trên lưng - sẽ tự do bay nhảy và tiến hóa theo hành trình tự nhiên để bước vào con đường giải thoát.

Ba cuộc hóa thân của Nietzsche không khác tam thừa Phật giáo. Một sự trùng hợp ngẫu nhiên hay một cách nói khác của trào lưu Phật học phương Tây? Nhưng dù gì đi nữa, dù Đông hay Tây chân lý vẫn chỉ là Một.

Biết đâu Nietzsche lại chẳng rất gần với những hóa thân của Mã Minh hay Long Thọ?

(*Nguồn: Văn hóa Phật giáo*)

---

1. Zarathustra đã nói như thế, *Friedrich Nietzsche, bản Việt dịch của Trần Xuân Kiêm.*

2. Tại gia Bồ-tát giới Kinh, *Tam tạng Pháp sư Đàm Vô Sấm Hán dịch, bản Việt dịch của Tỳ-kheo Thích Tịnh Nghiê.*



**Guillaume Apollinaire** (1880-1918) là một nhà thơ Pháp gốc Ba Lan, một trong những nhà thơ lớn của Pháp đầu thế kỷ XX. “Cầu Mirabeau” là một trong nhiều bài thơ nổi tiếng của ông. HT xin giới thiệu đoạn đầu bài thơ.

## CẦU MIRABEAU

Sous le pont Mirabeau coule la Seine	<i>Dưới cầu Mirabeau êm đềm trôi dòng Seine</i>
Et nos amours	<i>Trôi cả tình yêu của anh và em</i>
Faut-il qu'il m'en souviene	<i>Không biết anh có còn nên nhớ</i>
La joie venait toujours après la peine	<i>Niềm vui sẽ đến theo sau nỗi ưu phiền.</i>
Vienne la nuit sonne l'heure	<i>Giờ cứ điểm, đêm cứ đến gần</i>
Les jours s'en vont je demeure	<i>Tháng ngày trôi, đây vẫn còn anh.</i>
Les mains dans les mains restons face à face	<i>Mặt đối mặt và tay trong tay nhau. Vòng tay ta như cầu</i>
Tandis que sous	<i>Dưới cầu dòng nước chảy</i>
Le pont de nos bras passe	<i>Ánh mắt rã rời vì ly biệt dài lâu...</i>
Des éternels regards l'onde si lasse...	

**Guillaume Apollinaire**



Dại tướng Võ Nguyên Giáp  
(1911 - 2013)

phẩm viết về Bác Hồ và các vị lãnh tụ kiệt xuất của lịch sử như Búp sen xanh, Bông sen vàng, Trái tim quả đất... “Cảm” bằng sức lao động của một nhà văn thương binh hạng nặng 1/4, sức khỏe còn 19%. “Cảm” bằng nhân cách, sự khăng khải, quan niệm và đức tin của một nhà văn.

Còn tôi lại có cái may hơn mấy anh chị em trong gia đình là được sống cùng ba mẹ nên mới biết được đôi ba câu chuyện về con người vĩ đại này.

Trong miền ký ức của ba tôi - nhà văn Sơn Tùng đã có hình bóng Đại tướng Võ Nguyên Giáp ngay từ khi còn là học sinh Trường tư thực Vũ Đăng Khoa, thị trấn Cầu Giát. Tiếp đến những năm tháng nghe theo tiếng gọi Tổ quốc xếp lại bút nghiên lên đường, ông cùng Phan Hồng Thực, Trịnh Keng, Hồ Hải Kháng, Đặng Văn Thắng vào Trường lục quân Trần Quốc Tuấn khóa VI năm 1950. Và sau này trên chặng đường đi tìm “Đi tìm ẩn tích Hồ Chí Minh” ba tôi mới có điều kiện được kiến diện Đại tướng và ông đã nhận được tình cảm của Đại tướng bằng những tác

## *Ngôi Thiên cùg*

# **Đại tướng Võ Nguyên Giáp**

*Sơn Định*

Tôi nhớ, từ sau khi Đại tướng Võ Nguyên Giáp thôi giữ chức Ủy viên Trung ương Đảng, Phó Thủ tướng về nghỉ hưu, hàng năm đến ngày sinh nhật (25/8), Ngày thành lập Quân đội (22/12) và ngày Tết Nguyên đán, ba tôi dẫn đầu anh em cháu vãn, có khi cùng con cháu trong gia đình lên chúc mừng Đại tướng sau khi được đại tá Nguyễn Huyền, Thư ký của Đại tướng cho phép.

Ngày đó cháu vãn sinh hoạt rất đông khoảng trên 30 người, họ là các nhà văn, nhà thơ, nhạc sĩ, nghệ sĩ nhiếp ảnh, học giả, nhà giáo, nhà báo, giáo sư, nhà ngoại giao, chuyên viên cao cấp chính phủ quân đội... như: Sơn Tùng, Minh Giang, Mạc Phi, Siêu Hải, Mai Hồng Niên, Văn Cao, Đặng Đình Hưng, Đào Phan, cụ Nguyễn Trọng Phấn - GS. Viễn Đông Bác Cổ, Phan Ngọc, Hồ Sỹ Giảng, Hồ Sỹ Bằng, Hoàng Nhật Tân, Trần Bá, Cao Ngọc Thắng, Phùng Văn Mỹ, Hoàng Kính, Trần Văn Chan, Kim Côn, Thiếu tướng Đỗ Đức Dục, cụ Ngô Thúc, Nguyễn Văn Hiến, Đậu Quý Hạ, Phan Hữu Phúc, Phạm Quốc Vinh, cụ Phí Văn Bái, Phạm Hiện, Trần Văn Hà, Lê Văn Điêng... Đại đa số anh

em chiếu văn ngày ấy đều có hoàn cảnh khó khăn nên quà mừng Đại tướng chỉ có sách báo, tranh ảnh do anh em sáng tác, sưu tầm, hoặc góp tiền lại để mẹ tôi lên phố Hàng Quạt đặt thuê bức trướng chúc mừng, còn phần lời chúc thường do ba tôi sáng tác sau nhiều hôm trăn trở, cũng có khi là hộp bánh, bó hoa, phong kẹo sô-cô-la ngoại.

Thường vào những ngày kỷ niệm như thế này, có hàng trăm đoàn khách từ khắp nơi trong và ngoài nước xếp hàng chờ đợi đến lượt vào chúc mừng Đại tướng, nên thời gian rất hạn chế trong khoảng 30-40 phút, vừa đủ cho anh em trong chiếu văn chào hỏi, chúc tụng và có dịp tặng sách, chụp ảnh chung với Đại tướng. Do đó, trước khi chào tạm biệt ra về, ai nấy cũng cảm thấy luyến tiếc. Trong những dịp gặp nhau hiếm hoi như vậy, tôi thấy điều đầu tiên bao giờ Đại tướng cũng chủ động cầm lấy đôi bàn tay thương tật của ba tôi vừa đưa ra chào mà nói: "*Son Tùng có khỏe không, anh ngồi đây với tôi*". Nhiều lần ba tôi giữ ý tìm cách đứng xa một chút để anh em khác có được điều kiện chụp ảnh chung với Đại tướng làm kỷ niệm.

Mùa thu năm 1993, tôi có may mắn được ngồi hầu chuyện với Đại tướng Võ Nguyên Giáp gần hai tiếng đồng hồ.

Nguyên do tôi có được điểm phúc đó là hôm sinh nhật Đại tướng Võ Nguyên Giáp 25/8/1993, trong đoàn chiếu văn lên chúc mừng có thêm nhà thơ Hồ Khải Đại, người Quỳnh Đôi đem theo món quà mừng là một bài thơ tứ tuyệt bằng chữ Nho viết trên giấy hồng điều, bài thơ đó như sau:

*Chung thân bằng hữu thị nhân dân  
Vi tướng vi sư vi nghĩa nhân  
Văn Võ song toàn Nguyên Giáp gia  
Tâm tri thiên hạ sự như thần.*

Sơn Tùng dịch thơ:

*Trọn đời vì nước vì dân  
Là thầy, là tướng, nghĩa nhân làm đầu  
Võ Văn Nguyên Giáp song toàn  
Như thần thấu suốt nhân gian lòng người.*

Vì bài thơ viết trên giấy sớ để lâu ngày sẽ phai, hơn nữa đã là tướng mừng thọ bậc “Trưởng lão” phải được thêu trên vải điều mới trang trọng. Vì vậy, sau khi ra về chú Hoàng Kinh nói với mọi người: “*Chúng ta nên xin lại bài thơ đó, rồi nhờ chị Mai (tên mẹ tôi) lên Hàng Hòm đặt thêu, phần kinh phí tôi sẽ chịu, còn anh Sơn Tùng dịch nghĩa để mọi người hiểu hết ý thơ*”.

Từ lý do trên, khoảng một tuần sau ngày sinh nhật, hai mẹ con lên nhà Đại tướng bằng chiếc xe đạp cũ mà tôi thường đi làm hàng ngày. Lúc đó vào độ 4-5 giờ chiều, có lẽ giờ này Đại tướng đã vắng khách nên tôi thấy cửa phòng khách gia đình đầu hồi hướng đối diện với phòng làm việc quân cơ không mở, mà chỉ mở cánh cửa hướng ra khu vườn phía đường Hoàng Diệu. Trước khi đi mẹ tôi đã gọi điện cho Đại tướng nói rõ lý do, nên hai mẹ con vừa bước lên bậc tam cấp vào nhà đã thấy Đại tướng ngồi đợi trên ghế salon, trên bàn để sẵn bài thơ của nhà thơ Hồ Khải Đại.

- “*Em chào anh, hai mẹ con em lên xin lại anh bài thơ*” - Mẹ tôi chủ động chào và nói với Đại

tướng - *“Chị với cháu ngồi xuống đây uống nước”*. Đại tướng vừa nói vừa chỉ tay xuống hai chiếc ghế salon đơn bọc nệm phía đối diện. Rồi hỏi tiếp: *“Anh Sơn Tùng có khỏe không chị”*. Tôi nhanh nhẩu trả lời: *“Thưa bác, mấy hôm nay thời tiết thay đổi nên ba cháu lại đau vết thương trên đầu”*. Tôi vừa ngừng lời thì mẹ tôi nói tiếp: *“Khô quá anh ạ, anh nhà em còn mấy mảnh đạn trong đầu, thỉnh thoảng lại nhô lên làm chảy máu buốt như dao đâm, nhưng em chẳng biết làm sao”*. Nghe mẹ con tôi nói thế, gương mặt Đại tướng thoáng buồn, đôi mắt hướng vào tôi hỏi: *“Thế bố cháu hàng ngày sinh hoạt thế nào, dạo này ăn uống ra sao?”*

*“Thưa bác, ba cháu thường dậy từ lúc 2-3 giờ sáng ngồi thiền, thiền xong thì đi xuống sân tập thể lấy nước để tắm rửa vệ sinh, rồi lên thắp hương ban thờ gia tiên, sau đó mới ngồi vào bàn viết; nếu không viết được gì thì đọc sách cho đến 9-10 giờ sáng, khi có khách đến lại ra tiếp khách. Còn ăn uống thì ba cháu ăn ít lắm, mỗi bữa chừng non nửa bát cơm, chủ yếu ba cháu ăn rau nhiều”*.

Nghe tôi nói thế, Đại tướng trầm ngâm, đôi mắt hướng nhìn ra hàng cây cổ thụ đứng lặng trong khu vườn phía đường Hoàng Diệu một lát sau, nhìn mẹ tôi ông nói với giọng dặn dò: *“Tôi nghe nói rau gì bây giờ cũng nhiễm nhiều thuốc trừ sâu lắm chị nhé, bởi vậy chị nên mua giá đỗ cho anh Sơn Tùng ăn, rau giá đỗ lành, rất tốt lại bảo đảm không bị nhiễm thuốc sâu, tôi vẫn thường xuyên ăn rau giá đỗ. Còn cháu nói bố cháu buổi sáng ngồi thiền là thiền như thế nào?”* - Ông nhìn tôi hỏi.

Tôi trả lời: *“Thưa bác ba cháu ngồi thiền theo lối “tọa thiền”, nhưng cháu chịu không làm được”*. Vừa nói dứt câu, tôi thấy Đại tướng ngồi lùi sát thành ghế salon rồi co hai chân lên để chuẩn bị ngồi theo lối “tọa thiền”. Tôi sợ ông ngồi “tọa thiền” trên ghế salon bọc nệm mút sẽ rất khó nếu không khổ luyện qua hàng chục năm trời, nên vội bước tới đỡ chân, nhưng Đại tướng xua tay và nói:

- *“Không cần đâu, bác tự làm được”*.

Rất nhanh, hai chân bắt chéo hình hoa sen, hai bàn tay để lên hai vai, hai mắt nhắm hờ, Đại tướng hỏi tôi: *“Có phải bố cháu ngồi thiền như thế này không?”* - Tôi trả lời: *“Ba cháu ngồi như thế nhưng hai bàn tay úp vào nhau và để trước ngực”*. Thấy tôi nói thế, Đại tướng liền đổi tư thế như tôi vừa trình bày. Chưa đầy 5 phút ông đã nhập thiền, tôi lặng ngắt nhìn Đại tướng, giờ đây trông ông như một vị Bồ Tát đang niệm kinh cứu độ chúng sinh.

Sau khi nhập “thiền” xong, Đại tướng trở lại thế ngồi bình thường rồi nói với hai mẹ con: *“Tôi có nghe nói người ta xây nhà tình nghĩa cho Sơn Tùng nhưng không hiểu sao anh chị không nhận?”*. Mẹ tôi có ý để tôi thưa chuyện với Đại tướng nên ngồi im; biết ý, tôi thay mẹ kể hết cho ông nghe đầu đuôi câu chuyện. Cuối cùng tôi nói thêm: *“Thưa bác, ba cháu rất cảm động khi biết Thành đoàn Hà Nội chủ động khơi xướng và bỏ ra 13 triệu đồng để xây nhà tình nghĩa và ba cháu cũng rất biết tấm lòng của lãnh đạo quận Đống Đa lo cấp đất gần nơi ở cũ để xây nhà, những nghĩa cử đó không bao giờ quên. Nhưng ba cháu cũng nghĩ rằng: Nơi ở*

*hiện tại tuy chật không được khép kín, nhưng bù lại sống ở đây cũng thấy yên tâm, vì xung quanh là bà con trong khu tập thể đều nghèo, chất phác, hơn nữa mọi người ở đây sống được thì mình cũng sống được. Vì vậy ngôi nhà tình nghĩa kia xin nhường cho người khác có khó khăn hơn”.*

Sau khi nghe tôi kể xong câu chuyện trên, không biết trong lòng Đại tướng nghĩ gì, nhưng tôi thấy ông ngồi im, đôi mắt trĩu xuống. Đại tướng cứ ngồi lặng đi như thể hóa đá. Cho đến khi giáo sư Đặng Bích Hà từ phía sau phòng khách bước ra, tôi nghĩ chắc đến giờ ăn cơm, nên hai mẹ con tôi đứng dậy chào và nhận lại bài thơ trên tay Đại tướng, rồi xin phép ra về khi trời đã nhá nhem tối.

Chuyện Đại tướng ngồi Thiền tôi về kể lại với ba tôi, ông nói: *“Anh Văn có hai sở thích là đánh đàn piano và chụp ảnh. Trong album của gia đình, có rất nhiều ảnh do ông tự chụp và chụp bằng máy ảnh của mình, còn việc đánh đàn ngay từ sau khi hòa bình được lập lại trên miền Bắc, anh Văn đã tập học đàn do cô giáo Nguyễn Thị Hồng Hạnh, vợ nhà văn Đào Vũ hướng dẫn.*

Và cách nay chừng 30 năm, ba có diễm phúc đã được nghe Đại tướng công diễn bản giao hưởng bốn chương *“Điện Biên Phủ”* do Đại tướng và ông Lê Liêm sáng tác. Riêng chuyện Đại tướng ngồi tọa thiền có lẽ ít người được chứng kiến, nhưng ba tin anh Văn từ nhỏ đã tinh thông *“nhô học”*, sau này lại là một cử nhân luật kinh tế, một nhà giáo, một nhà báo, nhà sử học, nhà khoa học, nhà chiến lược và một thiên tài quân sự. Chừng ấy vốn liếng cũng đủ



## KÍNH CẢN NGHIÊNG MÌNH

Vinh viễn nghìn thu nhớ ơn người  
Biệt ly sầu thảm lệ buồn rơi  
Đại nhân đại nghĩa gương ái quốc  
Tướng dũng tài cao trí sáng ngời.  
Võ tộc Quảng Bình sinh anh kiệt  
Nguyên khí lừng danh giống Lạc hồng  
Giáp thắng Điện Biên lưu danh sử  
Quốc tang anh cả, nhớ nghìn thu.

T.T

*(Kính cẩn nghiêng mình trước anh linh Đại tướng  
Võ Nguyên Giáp, nhân dịp lễ truy điệu Đại tướng tại  
hội trường Thống Nhất ngày 12/10/2013)*

nói lên anh Văn là một nhân tướng phương Đông tinh thông “nho, y, lý, số” lại sống gần Bác Hồ nhiều năm, nên chuyện anh Văn biết thiên cũng là lẽ tự nhiên thôi.

Tôi nhớ, sau khi thuê xong bức tượng về bài thơ của nhà thơ Hồ Khải Đại trên nền lụa điều, ba phía viền tua vàng rất trang trọng, ba tôi cùng hai cha con chú Hoàng Kính lên nhà Đại tướng. Tại phòng khách gia đình, hai người lại có dịp ngồi đàm đạo thêm với nhau những kinh nghiệm về Thiên và lợi ích của Thiên trong nỗi lo công việc hàng ngày: “*Vạn sự như lô, nhất tâm thiên định*”.

*(Nguồn: Sức khỏe & Đời sống)*



*Quán Thế Âm Bồ Tát*

## Đạo ca Quán Thế Âm

Lý Mai Hoa (st)

Nhà thơ Phạm Thiên Thư chính thức “phủi tóc” vào chùa từ năm 1964 đến năm 1973 với pháp danh Thích Tuệ Không. Ông sinh năm 1940 trong một gia đình hành nghề Đông y tại huyện Kiến Xương tỉnh Thái Bình, sau di cư vào Nam. Nhà thơ chân thành tiết lộ việc xuống tóc vào chùa của ông là nhờ duyên với đạo Phật.

Nhiều người đã cho rằng Phạm Thiên Thư đi tu mà lòng vẫn hướng về cõi tục. Ông chỉ cười: “Tôi tu theo cách của mình, tu để sống cuộc đời của mình, nuôi dưỡng lối tư duy và trí tuệ của mình”. Quả thực là từ cõi Phật, ông đã làm được những điều đáng nể: thi hóa kinh Phật, sáng tác những thi phẩm hay và đẹp thuộc diện hiếm hoi trong văn học Việt Nam... Thơ của ông được nhiều người có tên tuổi trong giới và rất nhiều bạn đọc mến mộ.

Ông được coi là “người thi hóa kinh Phật” (dịch kinh Phật ra thơ) và là tác giả của nhiều bài thơ phảng phát triết lý mà ông đã tin theo. Nhiều bài thơ của ông được nhạc sĩ Phạm Duy phổ nhạc, trong

đó có mười bài Đạo ca.

Trong mười bài Đạo Ca có một bài viết về mẹ rất hay. Bài Đạo ca số 4 có tựa là Quán Thế Âm.

Danh xưng Quán Thế Âm là xuất phát từ một truyền thuyết của Phật giáo, tin rằng những người tu hành đạt tới chính quả, thì ngũ giác của họ có thể dùng chung được. Nghĩa là họ có thể dùng tai để “nhìn” thấy hình ảnh, dùng mắt để “nghe” thấy âm thanh, lưỡi có thể ngửi được v.v. Theo lòng tin này, thì danh xưng Quán Thế Âm Bồ Tát có nghĩa là: vị Bồ Tát luôn “nhìn thấy” tiếng ai oán, đau khổ trong bến mê của chúng sinh và sẵn sàng cứu giúp hay nói pháp khi cần.

Quan Âm Bồ Tát hiện thân trong mọi hình dạng để cứu độ chúng sinh. Tại Việt Nam, Quan Thế Âm hay được diễn tả dưới dạng người Mẹ, Mẹ của muôn loài...

Các bạn có thể tìm nghe bài hát “Quan Thế Âm”, tức Đạo Ca 4 trên trang web của Zing MP3:

### *Đạo ca Quán Thế Âm*

*Có bà mẹ đi tìm con  
trên đỉnh đồi lan trắng  
Có bà mẹ đi tìm con  
trong động hoa lan vàng  
Có bà mẹ đi tìm con  
bên bờ sông lan tím  
Có bà mẹ đi tìm con  
trong thung lũng cỏ hoang.  
Trên đỉnh mùa Xuân mẹ tu*

thương cả rừng hoa lá  
Trong mùa Hạ bèn bờ lau  
Mẹ yêu tiếng ve rầu rầu  
Thu về nằm trong bụi cây  
nhớ mây trời xanh ngắt  
Nuôi một đàn chim mỏ côi  
khi Đông tuyết lạnh rơi.

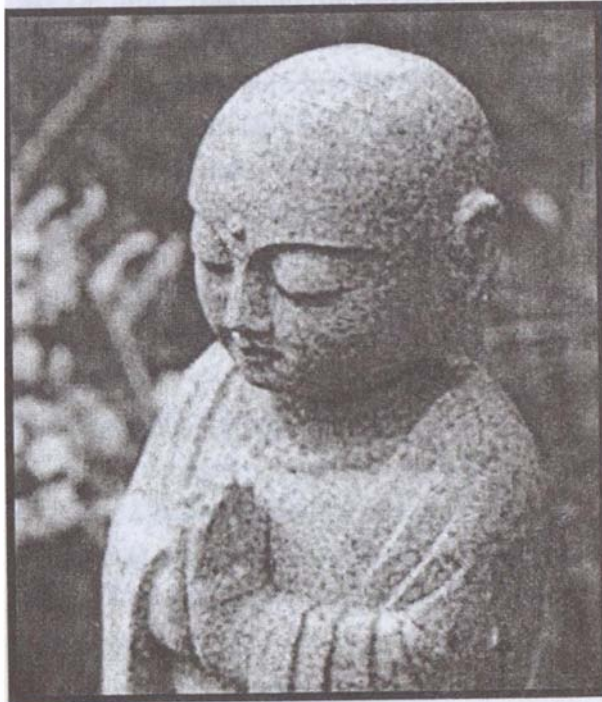
Bốn mùa hoa đua nở  
bốn mùa Mẹ lang thang  
Tìm con lò dò đôi mắt  
gọi con lời đã khan  
Khóc con lệ đã cạn  
thương con lòng vắng hoang  
Nhớ con, sầu đã ngắt  
đợi con, hồn đã tan.

Tay Mẹ đang quờ quạng,  
như một cành khô khan  
Nhớ con tìm khắp chốn  
rời rã cả thời gian  
Khi còn là thiếu phụ  
thơm như nhành ngọc lan  
Đến nay, già tóc trắng  
tìm con đà mấy trăng.

Thế rồi một hôm Mẹ chết  
hơi Mẹ trong trời chưa hết  
Ôm cả trần gian đầy vơi  
nhân loại đeo tang người  
Tìm Mẹ thành ra trùng dương  
máu Mẹ thành sông thành nước  
Ôi đời trăm luân Mẹ thương  
chiếu ánh sáng từ quang.

*Bây giờ Mẹ đã thành mơ  
hơi Mẹ hoá thành hơi gió  
Bốn mùa ngồi nghe mọi nơi  
tiếng Mẹ ru bồi hồi  
Xưa là Mẹ đi tìm con  
tiếng Mẹ ru buồn khắp chốn  
Bây giờ hiện thân Mẹ chung  
tiếng Mẹ hát ru dịu dàng.*

(Nguồn: dotchuoinon.com)



*Tượng Man Nương*

# *Man Nương*

## *- Trinh nữ thọ thai*

Nguyễn Hữu Vinh

Thời Hiến Đế nhà Hán, quan Thái thú Giao Chỉ là Sĩ Nhiếp đóng đô thành ở bờ phía nam sông Bình Giang (nay là sông Thiên Đức). Phía Nam thành đó có chùa thờ Phật là chùa Phúc Nghiêm, có vị sư từ phương Tây tới, hiệu là Già La Đồ Lê trụ trì ở đấy, có phép đứng một chân, mọi người đều kính phục gọi là tôn sư, kéo nhau tới học đạo.

Hồi ấy có người con gái tên là Man Nương, cha mẹ đều đã mất, nghèo khổ vô cùng, cũng tới đó dốc lòng theo học Phật. Vì có tật nói lắp, không thể cùng chúng tụng kinh, thường ở dưới bếp, vo gạo, nhặt rau, nấu nướng cho các vị tăng trong chùa và khách tứ phương.

Giữa tháng năm, đêm ngấn, Man Nương nấu cháo đã chín mà tăng chúng tụng kinh chưa xong, chưa tới ăn cháo được. Man Nương ngồi đợi bên cửa bếp, không ngờ ngủ quên đi mất. Tăng chúng tụng kinh xong đều về phòng riêng. Man Nương ngủ ở giữa cửa bếp, sư Già Lê bước qua mình Man Nương. Man Nương tự nhiên động thai. Có thai được ba bốn tháng, Man Nương xấu hổ bỏ về. Sư Già Lê cũng thẹn mà bỏ đi. Man Nương về tới một ngôi chùa ở ngã ba sông thì ở lại đó. Đây tháng sinh ra một đứa con gái, tìm sư Già Lê mà trả. Đêm đến,

bé đưa bé gái ấy tới gốc cây bên ngã ba đường nói: “Ta gửi con Phật, mi giữ lấy sẽ thành Phật đạo”. Sư Già Lê và Man Nương từ giã nhau ra về. Già Lê cho Man Nương một cây trượng và bảo: “Ta cho nàng vật này. Nàng về nhà, nếu gặp năm hạn hán thì lấy trượng cắm xuống đất, lấy nước cứu sinh dân”. Man Nương cung kính bái lĩnh, về ở trong chùa. Gặp năm đại hạn, nàng lấy trượng cắm xuống đất, tự nhiên nước cuộn cuộn chảy ra, dân được vì thế được nhờ.

Khi Man Nương ngoài tám mươi tuổi, gặp lúc cây ấy bị đổ, trôi dạt đến bến sông trước cửa chùa, quanh quẩn ở đấy mà không trôi đi. Dân thấy thế, định bỏ làm củi nhưng riu nào cũng đều bị gãy, bèn cho hơn ba trăm người trong làng ra kéo cây gỗ lên mà không chuyển. Gặp lúc Man Nương xuống bến rửa tay, thử kéo chơi thì cây chuyển động. Mọi người đều kinh ngạc, bảo nhờ Man Nương kéo lên bờ, sai thợ tạc bốn pho tượng Phật. Khi xẻ cây gỗ đến chỗ đặt đứa bé gái thì thấy đã hóa thành một tảng đá rất cứng rắn, riu đều bị mẻ cả. Họ liền vát tảng đá xuống vực sông, một tia sáng chói lên, hồi lâu đá mới chìm xuống nước. Bọn thợ đều chết cả. Dân bèn mời Man Nương đến bái lễ, nhờ dân chài lặn xuống nước vớt tảng đá lên, rước vào trong chùa, thếp vàng cúng bái. Sư Già Lê đặt hiệu cho bốn tượng Phật là: Pháp Vân, Pháp Vũ, Pháp Lôi và Pháp Điện. Thiện nam tín nữ ở khắp nơi đều thường tụ họp về chùa vui chơi ca múa, người đời gọi là hội Tám Phật, ngày nay vẫn còn.

*(Nguồn: Lĩnh Nam Chích Quái)*



## MÙA ĐÀO THƠM

\_\_\_\_\_ *Từ Kế Tường*

Hôm trước anh vào rừng biếc  
Lạc tới một mùa đào thơm  
Rẽ nắng rụng trên tóc buồn  
Em gặp anh nơi đầu dốc

Lá vàng rải mềm mặt đất  
Cỏ nhú máy chồi xanh non  
Chấp chới cánh chuồn chuồn kim  
Bóng chiều nghiêng nhòa đường núi

Trăng đẹp lạ lung lên vợi  
Trải mệnh mộng một sắc vàng  
Anh chìm vào cõi lãng quên  
Qua hết nửa đời mộng ảo

Hôm nọ tìm về đường cũ  
Mong bước tới cánh rừng xưa  
Anh lạc vào cõi nắng mưa  
Mùa đào thơm không còn nữa.

## NHƯ SƯƠNG KHÓI BAY

Nguyễn Hải Thảo

Có phải mưa về trong đêm nay?  
Cho tim ta chạm nỗi nhớ đầy  
Người xưa bỗng đến không hò hẹn  
Thấp thoáng trong làn khói thuốc bay

Người như sương khói làm sao giữ?  
Thoắt đến... thoắt đi biết đâu ngờ!  
Dấu đã một thời ta đắm đuối  
Yêu người như một gã điên mê

Người như sương khói làm sao níu?  
Ta cứ ôm hoài một đời không  
Chân lê bước mỗi, hồn xô bóng  
Ta tim em lảng đãng... muôn trùng

Có phải mưa về trong đêm nay?  
Cho ta ướt lạnh trái tim gầy  
Người xưa hun hút ta cứ ngỡ  
Áo trắng hay là sương khói bay?

# Chùa Bà Đanh

*An Dung & Mạnh Cường*



Chùa Bà Đanh là danh thắng thuộc thôn Đanh Xá, xã Ngọc Sơn, huyện Kim Bảng, tỉnh Hà Nam. Nơi đây từ xa xưa đã gắn liền với câu nói nổi tiếng “vắng như chùa Bà Đanh”.

Từ thành phố Phú Lý rẽ vào quốc lộ 21, qua cầu Hồng Phú đi khoảng 10km, du khách sẽ nhìn thấy ngôi chùa thấp thoáng hiện ra sau những bóng cây. Ngôi chùa u tịch nhìn ra con sông Đáy hiền hòa.

Chùa Bà Đanh còn có tên chữ là Bảo Sơn tự, cạnh hòn núi Ngọc nổi tiếng thơ mộng và linh thiêng. Từ bao đời nay, ngôi chùa này được thêu dệt với nhiều truyền thuyết lạ kỳ mà tâm điểm là tượng Bà Đanh.

Trước đây, khu vực chùa Bà Đanh là rừng rậm hoang vu, xa khu dân cư, có nhiều thú dữ nên không ai dám vào. Muốn vào đó an toàn chỉ có cách đi thuyền qua sông Đáy để tránh thú dữ, vì bất tiện nên khách thập phương muốn đến lễ bái cũng không có điều kiện... Cây cối um tùm, nhiều thú dữ, không có nhà dân ở, do vậy cảnh chùa càng thêm thâm nghiêm, vắng vẻ, ít người qua lại, nên mới có câu "*vắng như chùa Bà Đanh*".

**Chùa Bà Đanh**, di tích lịch sử cấp quốc gia tiêu biểu của huyện Kim Bảng và tỉnh Hà Nam, thuộc địa bàn thôn Đanh Xá, xã Ngọc Sơn. Chùa có tên chữ là Bảo Sơn Tự mang những nét chung của các ngôi chùa dòng Phật giáo đại thừa lại có nét riêng độc đáo. Điện thờ phong phú với các tượng Phật, Bồ tát, Hộ pháp và các tượng của đạo giáo như Thái Thượng Lão Quân, Nam Tào, Bắc Đẩu... Nhà thờ tổ sư phái thiền tông. Phủ mẫu thờ các tượng tam hòa, tứ phủ. Đặc biệt trong chùa có pho tượng của tín ngưỡng dân gian là pháp phong trong

“tứ pháp”. Được thờ ở tỉnh Hà Nam (Pháp Vân, Pháp Vũ, Pháp Điện, Pháp Phong). Ban đầu dân làng lập đền thờ pháp phong còn đơn sơ trong khu rừng đầu làng ven sông Đáy. Đến năm Vĩnh Trị đời vua Lê Hy Tông (1676 – 1680) thì xây dựng ngôi chùa mới khang trang.

Chùa quay mặt hướng Nam ra mạn sông Đáy. Phía ngoài cùng tiếp giáp với đường đi và gần bờ sông là cổng tam quan của chùa. Tam quan có ba gian và được làm thành hai tầng. Tầng trên có hai lớp mái lợp bằng ngói, xung quanh sàn gỗ hàng lan can là những trổ song con tiện. Tầng này sử dụng làm gác chuông, ba gian dưới có hệ thống cánh cửa bằng gỗ lim. Trên nóc tam quan đắp một đôi rồng châu vào giữa. Đôi diện với cổng, ở chính giữa về phải hai bên cách một đoạn tường ngăn là hai cổng nhỏ có tám mái, cửa phía trên lượn cong hình bán nguyệt. Hàng ngày, khách ra vào chủ yếu đi bằng hai cửa bên này, chỉ khi nào nhà chùa có đại lễ thì cổng chính giữa mới được mở.

Trong nhà thượng đường của chùa Bà Đanh, có nhiều tượng thờ như tượng Tam thế, tượng Ngọc Hoàng và Thái thượng Lão Quân, tượng Bà Chúa Đanh. Có thể coi pho tượng Bà Đanh là một trung tâm của chùa. Tượng được tạc theo tư thế toạ thiền trên chiếc ngai đen bóng (chứ không phải là toà sen), với khuôn mặt đẹp, hiền từ, đầy nữ tính, gần gũi và thân thiết, chứ không có dáng vẻ siêu thoát, thần bí như các tượng Phật khác. Sự hài hoà giữa pho tượng và chiếc ngai tạo nên vẻ hấp dẫn của nghệ thuật điêu khắc chùa Bà Đanh.



Tượng Bà Đanh

Chùa Bà Đanh gồm nhiều hạng mục lớn nhỏ tạo thành quần thể kiến trúc liên hoàn với Tam Quan, ngôi chùa chính, tả vu, hữu vu, nhà tổ, phủ mẫu, nhà khách, nhà ni và các công trình phụ trợ ngoài khuôn viên chùa. Ngôi chùa là một công trình kiến trúc nghệ thuật đặc sắc, lưu giữ nhiều cổ vật, cổ thư

quý hiếm, nhất là tượng Pháp Phong, tượng Phật, Bồ Tát, khánh đá, đại tự, câu đối, nhang án...

Sáu bộ vì của tòa bái đường ít thấy ở những ngôi chùa khác rất đặc sắc và độc đáo, chạm khắc cả hai mặt với các mô típ tứ linh, động thực vật kết hợp với nhau tạo thành những đề tài ngũ phúc, bát bảo, nét chạm tinh xảo, hoa văn sơn son thiếp vàng lộng lẫy.

Lễ hội chùa Bà Đanh được tổ chức từ ngày mùng chín đến ngày mười một, tháng hai (âm lịch) hàng năm. Trong những ngày diễn ra lễ hội tại di tích diễn ra nhiều nghi thức tế lễ truyền thống. Đặc biệt, có lễ cầu an, rước kiệu, đồng thời còn tổ chức nhiều trò chơi dân gian như: Chọi Gà, Kéo Co, Bơi Thuyền Chải, Cờ Người...

## TRUYỆN CỰC NGẮN

Nhật Chiêu

### BỨC TRANH

Giữa sa mạc. Để làm dịu cơn khát của mình, chàng họa sĩ đã vẽ trên cát một con suối.

Khi chàng bỏ đi, một mạch nước ngầm đã tràn lên bức tranh khe suối ấy.

Đoàn lữ hành đã tìm thấy xác chàng họa sĩ cách đó không xa. Dầu sao đi nữa, họ cũng đã uống nước thỏa thuê.

### TÈ VẬT LUẬN

Trăng đang tan ra, tan cái soi chiếu thành hồ và hồ đang cô đúc, đúc cái long lanh thành trăng.

- Sao hồ mênh mông thế! Trăng ta thấy mình nhỏ nhoi quá!

- Trăng đang mơ rồi đó. Hay hồ ta đang mơ?

### CÁ DU

Hai con cá du bơi lội dưới sông Hào, nhìn thấy hai người đứng trên cầu.

- Hai người trên ấy đang buồn.

- Đẳng ấy không phải là người, sao biết được người buồn?

- Đẳng ấy không phải là tớ, sao biết tớ không biết? Tớ bơi giữa sông Hào mà biết thôi.

Nhanh như cắt, một con chim lao xuống nước, đớp gọn hai con cá du.

Cuộc tranh luận đương nhiên là chấm dứt.

(Trích từ Lời tiên tri của giọt sương - Nhật Chiêu)

# NHỚ CHÙA

Huyền Không

Từ thuở ra đi vắng bóng chùa  
Đường đời đã nhọc chuyện hơn thua  
Trong tôi bừng dậy niềm chua xót  
Xao xuyến mơ về lại cảnh xưa.

Thấp thoáng đâu đây cảnh tượng làng  
Có con đường đỏ chạy lang thang  
Có hàng tre gợi hồn sông núi  
Im lặng chùa tôi ngập nắng vàng.

Có những cây mai sống trọn đời  
Bên hàng tùng bách mãi xanh tươi  
Nhìn lên phảng phất hương trầm tỏa  
Đức Phật từ bi miệng mỉm cười.

Tôi nhớ làm sao những buổi chiều  
Lời kinh giải thoát vọng cao siêu  
Đây ngôi chùa cổ ngày hai buổi  
Cầu nguyện dân làng sống mến yêu.

Vi vậy làng tôi sống thái bình  
Sớm khuya gån gũ tiếng chuông linh  
Sắn khoai gạo bắp nuôi thôn xóm  
Xây dựng tương lai xứ sở mình.



Tối đến dân quê đón gió lành  
Khắp chùa dào dạt ánh trắng thanh  
Tiếng chuông thức tỉnh lan xa mãi  
An ủi dân hiền mọi mái tranh.

Trầm đốt hương thơm bay ngạt ngào  
Thôn trên xóm dưới dạ nao nao  
Dân làng tấp gôi lên chùa lễ  
Mười bốn, ba mươi mỗi tối nào.

Biết đến bao giờ trở lại quê  
Phân vân lòng gởi nhớ nhưng về  
Tang thương dù có bao nhiêu nữa  
Cũng nguyện cho chùa khôi tái tề.

Chuông vắng nơi nao nhớ lạ lùng  
Ra đi ai chẳng nhớ chùa chung  
Mái chùa che chở hồn dân tộc  
Nếp sống muôn đời của tổ tông





# Narcissus và hoa Thủy Tiên

Helian dịch



1. Thần sông Cephissus từ lâu đã thầm yêu tiên nữ Leiriope xinh đẹp và muốn sống trọn đời bên nàng. Mong muốn của thần nhanh chóng thành hiện thực. Vào ngày định mệnh, một cậu bé trai ra đời. Leiriope tò mò muốn biết về số phận con trai nên đã hỏi nhà tiên tri mù Teiresias. “Cậu bé này sẽ sống lâu” – nhà thông thái nói – “Nếu nó không nhìn thấy hình ảnh phản chiếu của

chính mình”. Người mẹ lo sợ, liền sai người giấu hết gương soi. Đứa trẻ lớn lên khỏe mạnh, đẹp hơn tất cả các bé trai trong vùng. Được mọi người thường xuyên ca tụng và ngưỡng mộ, Narcissus bắt đầu nghĩ rằng chắc chắn mình là một người cực kỳ đặc biệt.

Rất nhiều người yêu mến chàng trai tuấn tú này. Ngay từ khi còn bé, những người bảo mẫu đã rung động trước vẻ đẹp đó và đến năm mười sáu tuổi, tất cả nam nữ trong vùng đều ước ao có được tình yêu của Narcissus. Tuy nhiên, hẳn cảm thấy không ai trong số họ xứng đáng với mình.

Rồi một ngày, Ameinias – người bạn láng giềng – lấy hết can đảm thổ lộ với Narcissus những tình cảm mà bấy lâu nay luôn được giữ kín trong lòng. Narcissus không nói gì, chỉ cho người mang đến một con dao găm như câu trả lời. Ameinias hiểu ý nghĩa của “món quà” này. Dùng chính con dao đó, Ameinias kết thúc đời mình, cầu xin sự phẫn nộ của thần linh sẽ đến với Narcissus và nguyện rằng, khi yêu một ai đó thì chính Narcissus cũng bị khinh miệt xa lánh như cách mà hắn đã đối xử với mọi người.

## 2.

Echo là một nữ thần núi xinh đẹp. Nàng tham gia vào đoàn đi săn của nữ thần Artemis và rất được yêu mến, chỉ hiếm một nỗi, nàng rất thích nói. Trong các cuộc nói chuyện hay tranh cãi, bao giờ nàng cũng là người nói lời cuối cùng.

Một ngày, nữ thần Hera đi tìm chồng, Zeus – người mà Hera rất có lý khi lo ngại – đang tiêu khiển với các tiên nữ khác. Bằng tài nói chuyện của mình, Echo đánh lạc hướng Hera nhằm giúp cho các tiên nữ kia trốn thoát. Khi Hera phát hiện ra chuyện này, nữ thần nổi cơn thịnh nộ: “Từ nay trở đi, đồ ác khẩu đó sẽ phải câm lặng. Người sẽ không bao giờ nói, trừ khi có người nói với người trước và chỉ được phép đáp lại bằng những từ cuối cùng.”

Vì thế, khi tình cờ nhìn thấy Narcissus đang gỡ một con hươu ra khỏi bẫy vào buổi sáng nọ, Echo chỉ biết lặng lẽ đứng nhìn. Nàng chưa bao giờ gặp người nào đẹp như vậy, ngay cả các vị thần bất tử. Một khát khao mãnh liệt bùng cháy, nàng chỉ muốn chạy ngay đến và bày tỏ với chàng trai kia những lời ngọt ngào nhất. Nhưng còn biết làm gì hơn, nàng chỉ biết mấp máy môi trong vô vọng.

3.

Narcissus cảm thấy có người đang nhìn mình liền lên tiếng:

- Ai đó? – Hấn gọi to
- Đó. – Echo rất muốn trả lời nhưng chỉ lặp lại được những gì mà người ta nói với nàng.
- Hãy để ta gặp người.
- Gặp người.

Một chút tò mò, Narcissus liền hô vang lần nữa:

- Người đang gọi ai?
- Ai. – Nữ thần đáp lại.

Rồi không thể kìm nén thêm một chút nào nữa, từ chỗ nấp, nàng chạy đến và ôm chầm lấy chàng trai với tất cả sự nhiệt thành. Không còn xa lạ với những hành động như vậy, Narcissus nhanh chóng thoát thân khỏi vòng tay nàng và đi thẳng vào rừng, để những cái bẫy và nàng Echo đang bẽ bàng lại phía sau.

Echo đuổi theo, cố gắng làm gã trai bình tĩnh nhưng tuyệt nhiên không có một âm thanh nào vọng lại. Người thanh niên nhanh chóng biến mất khỏi tầm mắt nàng. Nàng lang thang trong rừng hàng

tuần lễ chỉ để tìm kiếm người mình yêu, không ăn không ngủ. Thân thể nàng trở nên hao gầy héo hắt, và rồi, chúng tan biến đi như chưa hề tồn tại. Nàng chẳng còn gì ngoài tiếng nói và vẫn trả lời tiếng gọi của bất kỳ ai, nhưng chỉ là các âm thanh sau cuối. Các hẻm núi cheo leo, những hang cùng sâu thẳm là nhà của nàng. Cho đến ngày nay, nàng vẫn lang thang qua khắp các núi non để tìm kiếm Narcissus.

#### 4.

Đã một tháng kể từ lần gặp gỡ Echo, vào một buổi trưa trong khu rừng hẻo lánh trên núi cao Helicon, Narcissus ngã khụy, kiệt sức vì đi săn và bị săn đuổi. Trước mặt hắn là hồ nước trong suốt và sâu thẳm thẳm, đẹp tựa như gương nhờ ánh sáng rơi xuống qua hàng cây trên đầu.

Narcissus đã thấy bóng mình nhiều lần, nhưng chưa bao giờ nhìn thấy hình ảnh phản chiếu của chính mình. Khi cúi gằm và định đưa tay vào mặt hồ vốc nước, hắn chợt giật thột bởi một người tuyệt đẹp cũng đang nhìn mình. Trong số những người đã gặp, không ai đẹp như người mà hắn nghĩ là vị thần của hồ này. Cặp mắt sáng ngời, những lọn tóc xoắn óng ả rủ xuống như tóc của thần Apollo trên chiếc cổ trắng ngà, đôi môi tươi tắn hé mở. Lần đầu tiên trong đời, hắn đã yêu.

Hắn cúi gằm hơn, vươn tay ra để ôm hôn người trong hồ. Tuy nhiên, những gì mà môi và tay hắn cảm nhận được chỉ là làn nước lạnh buốt. Dù đã nhanh chóng rút tay lại nhưng trong tích tắc, hình ảnh kia tan ra thành các gợn sóng nhỏ. Narcissus buồn bã nhận thấy, người hắn yêu cũng đang chạy

trốn như chính hắn vẫn thường làm. Ngay lúc đó, các sóng nước lắng lại và khuôn mặt kia xuất hiện.

“Đừng bỏ đi, hồi vị thần xinh đẹp. – Hắn nghẹn ngào - Ở lại đi, tình yêu của ta, làm ơn!”

5.

Cứ mỗi lần Narcissus muốn chạm tay vào người trong hồ, hình hài đó liền nhòa đi và tan ra ngay khi tay hắn tiếp xúc với mặt nước. Hắn vò đầu bứt tai vì đã làm đủ mọi cách nhưng đều vô vọng. Narcissus cay đắng hiểu rằng, hắn sẽ không bao giờ chạm vào tình yêu đích thực của mình được nữa.

Khi cơn xúc động nguôi ngoai và mặt hồ đã lặng, người thanh niên đáng yêu hiện ra nhưng giờ trông thật thảm hại với mái tóc lòa xòa. Nhìn thấy vậy lòng hắn càng xót xa đau đớn.

“Ở lại đi mà, ta xin người! Nếu không thể chạm vào thì ít nhất cũng để ta được ngắm nhìn người, dù chỉ trong chốc lát.”

Từ thân mình đang run rẩy vì đau khổ, những giọt nước mắt nóng hổi lặng lẽ tuôn trào.

6.

Mặt trời lặn. Bóng tối dần bao trùm lên khắp khu rừng nhưng Narcissus vẫn không nhúc nhích. Với hắn, mọi thứ bây giờ chẳng có chút ý nghĩa gì. Điều duy nhất hắn quan tâm là làm sao có thể giữ được chàng trai khó nắm bắt trong hồ.

7.

Bình minh lên, những tia nắng đầu tiên thấy hắn vẫn nhìn chăm chăm vào mặt hồ sâu thẳm. Từ từ, người đó xuất hiện nhưng giờ chỉ còn vè hốc hác và hoang loạn. Narcissus chạm tay vào mặt nước,

định khế âu yếm vị thần yêu dấu, nhưng, như mọi lần trước đó, tất cả thất vọng lại ùa về.

“Ta yêu ngươi! Yêu vô cùng” – Narcissus tha thiết gào lên hàng nghìn lần với người trong hồ.

Khuôn mặt đó, cũng giống như của Echo, chỉ khế mấp máy môi nhưng không thoát ra một âm thanh nào.

8.

Ngày qua ngày, đêm nối đêm, Narcissus không hề rời đi một bước. Hắn quỳ bên hồ, đắm đuối nhìn ngắm và thì thầm bày tỏ với vị thần trong hồ – người mà hắn yêu ngay từ cái nhìn đầu tiên.

9.

Narcissus cứ ở đó, hy vọng vào một phép màu, rằng người mình yêu sẽ thấu hiểu và đáp lại tình cảm của mình.

Đợi chờ. Mãi mãi.

10.

Sau đó, các tiên nữ trong núi tìm thấy hắn – thân xác khô liệt với nỗi xót xa tuyệt vọng còn hằn rõ trên khuôn mặt đau khổ. Khi họ định cử hành tang lễ thì thi thể biến mất.

Bên hồ, nơi hắn gục xuống, mọc lên một bông hoa cánh trắng như tuyết với nhụy hoa như chiếc ly màu vàng có viền đỏ, hương thơm dịu dàng. Bông hoa này luôn nhìn xuống hình ảnh phản chiếu ngay dưới chân mình.

**Để tưởng nhớ, các tiên nữ đã lấy tên chàng trai đặt cho hoa. Từ đó người ta gọi hoa này là hoa Thủy Tiên (Narcissus).**

*(Nguồn: Thần thoại Hy Lạp)*



# HOA THỦY TIÊN

**Hoàng Phủ Ngọc Tường**

Có một loài hoa không biết tên  
Vàng tươi như là nổi buồn riêng  
Tôi e những hạt linh hồn ấy  
Rơi xuống thành hoa giữa tự nhiên

Nghe nói người tiên vẫn hiện hình  
Bước ra từ những cõi u linh  
Em như cô Tấm trong hoa thị  
Vẽ đứng nhìn tôi trên nước xanh

Yên tĩnh rừng thông rộng bốn bề  
Mặt hồ mờ mịt khói giăng che  
Có con chim nhỏ trong lau sậy  
Thoảng giọng người tình chợt lắng nghe

Chim nhận bay về thu vắng không  
Mình tôi trở lại với đời thông  
Sao trên làn nước trong xanh ấy  
Vẫn hiện xôn xao một bóng hồng

Hoa đại người đời chẳng biết tên  
Sinh ra như loài cỏ ưu phiền  
Nhớ em ngà ngọc bên hồ nước  
Tôi gọi em là hoa thủy tiên.

## LỄ KHỞI CÔNG TRÙNG TU CHÙA LONG SƠN



Ngày 19/8/Quý Tỵ 2013, chùa Long Sơn (Tân Uyên, Bình Dương) đã làm lễ khởi trùng tu đợt 3. Đến dự có HT. Thích Huệ Thông (Trưởng ban Trị sự PG tỉnh Bình Dương), đại diện chính quyền địa phương, quý sư trưởng của Liên tông Tịnh độ Non Bồng và gần 500 Phật tử đang tu học tại các chùa trong địa phương.

Chùa đã trải qua nhiều đời Trụ trì. Hiện nay, Trụ trì là Ni sư Thích nữ Diệu Thường, là vị Ni rất tâm huyết với pháp môn Tịnh độ và là người chủ xướng công việc trùng tu đợt 3 này.

Công trình dự kiến sẽ trùng tu 4 hạng mục trên diện tích 320 mét vuông, bao gồm nóc, đòn tay, cột, vách tường.

Mọi sự phát tâm cúng dường trùng tu Tam bảo xin vui lòng liên lạc với Ni sư Thích nữ Diệu Thường (0164.464.9659).

C.T

# Long Sơn cổ tự

HT. Thích Giác Quang

Chùa Long Sơn thuộc xã Thái Hòa – Tân Uyên được xây dựng vào năm Nhâm Thân 1872 do Thiền sư Như Tường – An Tịch khai sơn. Sư thuộc thế hệ thứ 39 dòng Lâm Tế Gia Phổ. Đến năm Quý Mão (1903) Hòa Thượng Hồng Ân – Quảng Chánh đệ tử của Hòa Thượng Như Tường lên kế thế trụ trì.

## CÁC ĐỜI TRỤ TRÌ

Trong thời gian trụ trì và hành đạo nơi đây Hòa Thượng Hồng Ân đã quy y và độ nhiều tăng chúng cũng như Phật tử ở vùng này. Đến năm 1941 kế thế trụ trì là Hòa Thượng Trí Châu – Hồng Thông. Hòa Thượng Trí Châu – Hồng Thông sanh năm Kỷ Dậu (1909) tại làng Thới Hòa – Tân Uyên. Trong thời gian Hòa Thượng trụ trì đã tạo được rất nhiều uy tín trong cùng như ngoài tỉnh.

Vào năm 1956 nhà sư Lê Minh Ý nghe danh Hòa Thượng Trí Châu là bậc cao tăng thật học nên đến cầu pháp và tu học tại chùa Long Sơn. Sư Lê Minh Ý được Hòa Thượng Trí Châu đặt pháp hiệu là Nhật Ý – Thiện Phước thuộc thế hệ 41 dòng Lâm Tế Gia Phổ. Trong thời gian ẩn dật tu hành nơi đây sư Thiện Phước thay thầy hoằng dương Phật pháp và độ nhiều đệ tử xuất gia cũng như tại gia trong và

ngoài tình. Cũng trong thời gian này, Sư Lê Minh Ý bị tình nghi hoạt động cách mạng nên chính quyền lúc bấy giờ trục xuất ra khỏi chùa.

Sau này sư Thiện Phước vân du hành đạo và lập nhiều đạo tràng cũng như cô nhi viện ở nhiều nơi. Sư tham gia vào tổ chức Tịnh Độ Tông, sau làm Phó Hội trưởng của Hội Tịnh Độ Tông Việt Nam, sư Nhật Ý – Thiện Phước còn là Tông chủ Liên Tông Tịnh Độ Non Bồng (Mẫu Trâu), tổ chức này sau được phát triển rất thịnh ở vùng miền Đông và Tây Nam Bộ. Ngài Nhật Ý – Thiện Phước là vị sư có công lao lớn trong việc xiển dương Phật pháp chùa Long Sơn trong thời gian sư trụ trì chùa.

Ngài cũng là nhà sư có nhiều công đức đưa tinh thần đạo Phật vào cuộc đời qua nhiều việc làm thiết thực như mở rất nhiều cô nhi viện, mở rất nhiều đạo tràng tu tập và khai sơn trên 100 cơ sở thờ tự thuộc phái Tông môn. Ngài đã đào tạo nhiều đệ tử xuất gia, trong đó có Ni Trưởng Huệ Giác hiện là Viện chủ Quan Âm Tu Viện (Biên Hòa – Đồng Nai) và nơi đây cũng là ngôi Tổ Đình thuộc hệ phái Liên Tông Tịnh Độ Non Bồng do Hòa Thượng sáng lập, và Ngài trở thành một vị cao tăng trong giới tăng ni của Liên Tông Tịnh Độ Non Bồng.

Ngài là vị chân tu có tinh thần yêu nước mạnh mẽ đã cống hiến nhiều công sức cho sự nghiệp bảo vệ và giải phóng đất nước. Với công lao mà Hòa Thượng đã cống hiến cho sự nghiệp đạo pháp và dân tộc, Nhà nước Việt Nam tặng thưởng cho Hòa Thượng hai huân chương kháng chiến.

Sau khi Hòa Thượng Trí Châu viên tịch năm

Tân Sứ (1961). Kế thế trụ trì là Thiền sư Định Trí – Nhật Khánh. Thiền sư Nhật Khánh là đệ tử trực tiếp của Hòa Thượng Trí Châu – Hồng Thông, cũng là sư đệ thiền sư Nhật Ý. Trong thời gian sư Nhật Khánh trụ trì, do có tinh thần yêu nước, nuôi giấu cán bộ cách mạng nên sư bị giặc Pháp xử bắn. Sau khi sư Nhật Khánh hi sinh, sư Nhật Quang là sư đệ của Thiền sư Nhật Khánh lên kế thế trụ trì đến năm 1968 sư Nhật Quang viên tịch.

Kế thế trụ trì chùa Long Sơn là Hòa Thượng Trung Độ – Huệ Tâm, sư Trung Độ thuộc thế hệ thứ 43 dòng Lâm Tế. Trong thời gian sư trụ trì chùa được trùng tu khang trang hơn và độ nhiều tăng ni tu học. Cũng trong thời gian này, chùa được sự ủng hộ của Ni Sư Huệ Giác viện chủ Quan Âm Tu Viện (Đồng Nai) trong nhiều công tác Phật sự. Vào năm 1989, Ban Đại Diện Phật giáo Tân Uyên mở lớp dạy giáo lý cho Tăng ni Phật tử tại chùa Long Sơn.

Hòa Thượng Huệ Tâm viên tịch vào năm Bính Tý (1996). Đến tháng 7 năm 1999 Tỉnh hội bổ nhiệm Đại đức Thiện Trang làm trụ trì.

Đến năm 2003 do nhu cầu Phật sự nên Tỉnh hội điều Đại đức Thiện Trang về trụ trì chùa Quan Âm thuộc xã Thới Hòa và cũng vào năm này Tỉnh hội bổ nhiệm Ni Sư Diệu Thường đệ tử của Ngài Huệ Tâm – Trung Độ làm trụ trì chùa cho đến nay.

### **KIẾN TRÚC CỔ XƯA**

Chùa Long Sơn là một trong những ngôi chùa cổ ở Bình Dương còn giữ được khá nguyên vẹn như ban đầu cả về mặt kiến trúc lẫn cách bày trí tôn thờ.

Thiết trí trên chánh điện của chùa gian giữa tầng trên thờ bộ tam thế: Di Đà, Quan Âm, Thế Chí với tư thế tọa thiền, tầng kế là Đức Từ Phụ Thích Ca và Bồ Tát Văn Thù, Phổ Hiền, tượng Đản Sanh và tầng kế là long vị Ngọc Hoàng và Tứ Thiên Vương.

Đặc biệt chùa còn thờ linh vị: Dương Kim Hoàng Đế Thánh Thọ Vạn Vạn Tuế (long vị này các ngôi chùa xưa thường thờ để tôn kính tri ân vị vua anh minh, hiện nay hầu hết các chùa không còn thờ long vị này).

Trước điện Phật chùa còn tôn trí các bộ tượng Di Lặc, Chuẩn Đề, Nhập diệt và bộ Ngũ hiền. Hai bên gian chánh điện bên trái là bộ Quan Công (Già Lam), Ngũ Điện Diêm Vương, Địa Tạng Bồ Tát. Bên phải thờ Đạt Ma tư thế ngồi, Thập Điện Diêm Vương, phần tiền điện được tôn trí Hộ pháp, Tiêu Diện và Đức Dược Sư. Hậu tổ là bàn thờ các long vị của các vị trụ trì chùa và Đạt Ma Tổ Sư, giảng đường là Ngai Chuẩn Đề, Giám Trai và sau cùng là linh khánh thờ bà Linh Sơn Thánh Mẫu (tín ngưỡng dân gian). Các bộ tượng được thờ tại chùa Long Sơn hầu hết là những bộ tượng làm bằng gỗ mít và đất nung có niên đại cùng thời với năm khai sơn chùa, chỉ có một ít tượng được thỉnh sau này làm bằng thạch cao. Ngoài các bộ tượng chùa còn giữ lại các bao lam, đại hồng chung và các cặp liễn đối, trong đó có cặp liễn đối xưa tại chánh điện:

*Tham tán thiên địa hóa dục minh minh thương  
hải phiếm từ thuyến*

*Chung ngưng sơn nhạc tinh anh cảnh cảnh  
kim đài nghiêm diệu tướng*

Tạm dịch:

*Muôn vật biến hóa chan hòa cùng trời đất  
trong cơn mê có chiếc thuyền từ giữa biển khơi*

*Âm vang tiếng chuông như động lại trên  
đỉnh núi làm sáng rực tướng trang nghiêm nơi điện  
Phật.*

Câu liên đối này do tín chủ Nguyễn Văn Chức tặng nhân dịp khánh thành trùng tu chánh điện vào năm 1905.

Tổng thể xây dựng gồm: tiền điện, chánh điện, hậu tổ, giảng đường, đông lang và tây lang, tất cả được làm bằng chất liệu gỗ quý theo kiến trúc cổ ba gian hai chái được nối liền nhau từ hậu tổ với trai đường cách khoảng sân trong hai bên để tạo thêm ánh sáng bên trong. Đây là loại kiến trúc thường được các chùa cổ Việt Nam sử dụng. Trước sân chùa là cây bồ đề cổ thụ, tàng cây che phủ kín sân chùa. Và một điện đài thờ Bồ Tát Quán Thế Âm cùng các ngôi tháp của các thiền sư trụ trì. Bên trái ngôi chánh điện trước sân là điện thờ Hòa Thượng Nhật Ý – Thiện Phước (Mẫu Trầu).

Từ lộ chính chợ Tân Ba về trung tâm huyện Tân Uyên khoảng 1km nằm bên phải ta thấy một ngọn đồi cao thoáng. Chùa nằm trên một ngọn đồi có diện tích khá rộng thoáng mát bởi những tán cây cổ thụ che phủ không gian của ngôi chùa. Thiên nhiên nơi đây đã tạo thêm cho ngôi chùa có một không gian yên tĩnh, u tịch như cảnh non bồng tại chốn trần gian.

## NIỆM PHẬT LÚC NGỦ

Sư hỏi vị tăng Hải Châu: “Niệm Phật có thường gián đoạn chẳng?”. Tăng đáp: “Hễ nhắm mắt ngủ liền quên mất”.

Sư nghiêm mặt, quờ:

- Nếu nhắm mắt liền quên thì niệm Phật như vậy dù có niệm một vạn năm cũng vô ích! Từ nay trở đi, ông cần phải trong lúc ngủ cũng niệm Phật chẳng gián đoạn thì mới có phần thoát khổ được!

Nếu trong giấc ngủ chẳng niệm Phật được, quên mất đi thì khi mở mắt ra liền buồn khóc, nhồm dầy ngay, đến ngay trước đức Phật dập đầu đến chảy cả máu, hoặc niệm ngàn tiếng, vạn tiếng, dốc cạn hết sức chính mình mới thôi.

Làm như thế chừng hai ba chục lần thì tự nhiên trong khi ngủ mê mết, niệm Phật cũng chẳng bị gián đoạn. Người đời niệm Phật hoặc là hai, ba chục năm, hoặc suốt đời niệm Phật mà đến lúc lâm chung lại thành vô dụng là do lúc ngủ nghỉ chẳng hề có ý niệm nhớ đến Phật. Người sống như đang tỉnh, người chết như mộng; bởi vậy, người nào trong mộng vẫn niệm Phật thì lúc lâm chung sẽ tự nhiên chẳng loạn vậy!

**Muốn khám nghiệm một cách chính xác xem ta niệm Phật có chân thật hay không thì chỉ cần quan sát lúc ta hoan hỷ và phiền não sẽ biết rõ ràng là tâm ta chân thật hay giả dối. Đại để,**



người chân tâm niệm Phật dù lúc hoan hỷ hay phiền não, tất nhiên vẫn niệm niệm chẳng gián đoạn vì phiền não chẳng thể lay động người đó, hoan hỷ cũng chẳng lay động người đó được. Phiền não lẫn hoan hỷ đều đã chẳng thể lay động người đó thì trong cảnh sanh tử sẽ tự nhiên chẳng hoảng sợ.

Nay người niệm Phật vừa mới gặp phải chút vui mừng, giận hờn, đã vớt A Di Đà Phật ra sau ót thì làm sao mà niệm Phật được linh nghiệm cơ chứ? Nếu làm theo cách niệm Phật của tôi, thật sự có thể chẳng quên mất câu A Di Đà Phật trong lúc yêu ghét, thế mà chẳng đạt được lợi ích gì trong cuộc sống hằng ngày cũng như khi lâm chung chẳng được vãng sanh thì cái lưới của tôi ắt sẽ bị phá nát vậy!

**Nhận định:**

*Pháp này rất mâu nhiệm, muốn khám nghiệm tâm niệm Phật là chân thật hay giả dối, chỉ cần xét trong lúc hoan hỷ hay phiền não. Nếu như trong giấc ngủ, việc niệm Phật bị gián đoạn, hãy nên dùng mãnh tinh tấn làm theo cách này thì hiện tại sẽ được lợi lạc, lâm chung tự được vãng sanh.*

**(Trích Niệm Phật Pháp Yếu - Mao Lăng Vân)**

**Nhan thí** - Bồ thí nụ cười.

**Ngôn thí** - Bồ thí ái ngữ, nói lời hay.

**Tâm thí** - Bồ thí tâm hòa ái, lòng biết ơn.

**Nhān thí** - Bồ thí ánh mắt nhìn thẳng hiền từ.

**Thân thí** - Bồ thí hành động nhân ái.

**Tọa thí** - Bồ thí nhường chỗ cho người cần.

**Phòng thí** - Bồ thí lòng bao dung.

(Lời Phật dạy)

# Phật tử Trung Thúy

Nguyễn Hải Thảo



Là một trong những thành viên tích cực của Ban từ thiện chùa Liên Hoa (quận Tân Phú, TP.HCM), Phật tử Trung Thúy thường xuyên góp công góp sức trong những chuyến hành hương, những hoạt động từ thiện do chùa tổ chức. Bởi trong tâm người Phật tử này luôn chánh niệm *“phục vụ chúng sanh là cúng dường chư Phật”*.

Huỳnh Thị Đăng Thanh (pháp danh Trung Thúy) sinh năm 1964 tại thị trấn Bảy Ngàn, huyện Châu Thành A, tỉnh Hậu Giang. Chị là con thứ năm trong gia đình 9 anh chị em. Đông con đông miệng ăn, cha mẹ của chị phải vất vả làm ruộng, buôn bán để lo cho các con.

Ra đời trong thời buổi chiến tranh loạn lạc, tuổi thơ của Đăng Thanh không êm ả. Vì hoàn cảnh gia đình khó khăn, học hết lớp đệ lục (lớp 7), Thanh

phải nghỉ học, ở nhà giúp cha mẹ buôn bán, chăm sóc các em. Sống trong gia đình có truyền thống mộ đạo Phật nên mới 3-4 tuổi Thanh đã được cha mẹ thường xuyên đưa đến lễ Phật ở các chùa. Năm 6 tuổi, bé Thanh đã theo quý cô đến chùa làm công quả. Lớn hơn một chút, Thanh tích cực tham gia vào các hoạt động Gia đình Phật tử tại địa phương.

Năm 1990, Thanh lập gia đình và sống cùng gia đình chồng ở phường 10, quận 8, TP.HCM. Vợ chồng chị sống rất hạnh phúc và sinh được hai con trai. Sau một thời gian buôn bán, tích lũy vốn liếng, vợ chồng chị Thanh mua được một mảnh đất nhỏ ở đường Lê Lư, phường Phú Thọ Hòa, quận Tân Phú. Nhưng mãi đến 3 năm sau, vợ chồng chị mới đủ tiền xây nhà và chuyển về đây ở.

Năm 2007, người chồng mà chị Thanh hết mực kính trọng, yêu thương đã từ giã vợ, về thế giới bên kia vì chứng bệnh ung thư. Trước nỗi đau mất chồng, chị gần như muốn ngã quỵ vì hiểu rằng những ngày sắp tới mình phải đơn độc một mình lao động để nuôi bản thân mình, nuôi các con. Thời gian đó chị sống mà không thấy niềm vui!

Nhận ra cuộc đời sao quá vô thường, ngoài giờ lao động để lo cho gia đình nhỏ của mình, chị Thanh thường xuyên đến các chùa lễ Phật, cúng dường, làm công quả, tìm hiểu Phật pháp... Càng đi sâu vào tìm hiểu giáo pháp của Phật, chị càng thấy Phật pháp thật nhiệm mầu, chỉ ra cho chúng sinh con đường thoát khỏi bể khổ trầm luân và chị đã tìm thấy sự động viên, an lạc khi đi theo con đường này.

Năm 2008, chị Thanh tìm đến chùa Vạn Hạnh (quận 10) xin quy y và được Ni sư trụ trì Thích Nữ Như Ngộ ban cho pháp danh Trung Thúy. Chính thức là con của Phật, Trung Thúy càng lúc càng tìm thấy sự an lạc trong chánh pháp. Chị đến nhiều chùa để nghe pháp, cúng dường, làm công quả, tham gia các hoạt động từ thiện, giúp đỡ người nghèo, người già yếu neo đơn, trẻ em cơ nhỡ...

Từ năm 2009 đến nay, chị Thanh là một trong những thành viên tích cực của Ban từ thiện chùa Liên Hoa (quận Tân Phú). Điểm nổi bật của chùa Liên Hoa là trong suốt 6 năm qua, cứ đều đặn mỗi tháng 2 lần, vào sáng 14 và 29 âm lịch, đại đức trụ trì Thích Giác Nhựt cùng Ban từ thiện đã tổ chức nấu cơm, cháo, thức ăn để phát 2500 suất cơm cho các bệnh nhân và thân nhân người bệnh ở Bệnh viện Nhi Đồng 1 và Nhi Đồng 2, TP.HCM. Được thức khuya dậy sớm, được chính tay mình cùng các chị em trong Ban từ thiện nấu nướng phục vụ người nghèo, bệnh nhân nghèo là một niềm hoan hỉ đối với chị.

Ngoài ra, chị cũng đã sắp xếp công việc và thời gian để tham gia những chuyến hành hương từ thiện do các chùa tổ chức. Năm 2012, chị tham gia hành hương cùng các Phật tử chùa Quan Âm, quận Bình Thạnh đến Thủ Đức, Đồng Nai, Vũng Tàu... Dịp trường hạ năm 2013, chị đã cùng đoàn của Đại đức Thích Giác Nhựt và Phật tử chùa Liên Hoa (Tân Phú) hành hương từ thiện suốt 9 tỉnh miền Tây: Tiền Giang, Cần Thơ, Đồng Tháp, Sóc Trăng, Bạc Liêu, An Giang (Châu Đốc), Kiên Giang, Cà Mau...

## THỜI GIAN

Nguyễn Văn Kỳ

Chỉ đi mà không dừng lại  
Khổ đau như kiếp luân hồi  
Dòng đời lênh đênh chìm nổi  
Xế chiều như kiếp con thoi.

Người nhìn sao không hương sắc  
Lá xanh cây đọt nắng vàng  
Rơi xuống sông đời lênh láng  
Ngước nhìn sâu thẳm nhân gian.

Ai đo ai đong ai đếm  
Riêng ta xuôi mái thuyền chèo  
Ngỡ người sau lưng nhìn lại  
Tóc giờ đã trắng hai vai.

Trong cuộc sống, chị luôn tìm cách giúp những hoàn cảnh khó khăn, người già neo đơn hoặc trẻ em khuyết tật, cơ nhỡ... ở khắp nơi, trong điều kiện và khả năng của mình. Bởi chị luôn giác ngộ lời Phật dạy “*phục vụ chúng sanh là cúng dường chư Phật*” và tâm niệm rằng “*nơi đâu có tình thương, lòng từ bi, nơi đó có hạnh phúc*”...

# *Ân đất nước trong lời dạy của Phật Thầy Tây An*

Nguyễn Văn Kỳ



PHẬT THẦY TÂY AN

Phật Thầy Tây An là một vị Phật Việt Nam. Ngài đã khai sáng một nền đạo Việt Nam – Bửu Sơn Kỳ Hương mang đậm nét văn hóa Việt. Đến dự Hội thảo Khoa học về Nhân vật Đoàn Minh Huyền (1807 – 1856) do Hội

Sứ học An Giang và Huyện ủy Tịnh Biên tổ chức ngày 28/9/2013 chúng tôi ghi nhận được rất nhiều vấn đề sâu sắc mà nhiều nhà khoa học, các nhà nghiên cứu đã dày công nghiên cứu, tổng kết, đánh giá công lao to lớn của Ngài đối với vùng đất Nam bộ nói chung, vùng đất An Giang nói riêng. Bên cạnh đó hội thảo đã đưa ra nhiều nội dung phản biện các lập luận cho chưa có căn cứ về thân thế gia đình Ngài.

Phật Thầy Tây An – Đoàn Minh Huyền sinh vào ngày 15 tháng 10 năm Đinh Mão (tức ngày

14/11/1807), Ngài viên tịch vào ngày 12 tháng 8 năm Bính Thìn (tức ngày 10/9/1856). Không ai biết cha mẹ của Ngài là ai, sinh ra ở đâu và học đạo từ danh sư nào? Chỉ biết Ngài đến đình làng Tòng Sơn tá túc chữa bệnh cứu người trong đại nạn dịch tả thời bấy giờ (năm 1849) và mở ra mỗi đạo mới đó là Bửu Sơn Kỳ Hương.

Xiển dương con đường đạo hạnh đậm chất văn hóa của Bửu Sơn Kỳ Hương do Phật Thầy xướng xuất, các đại đệ tử của Ngài đã tiếp bước truyền dạy cho dân chúng tin điều căn bản.

Với ân đất nước, người tín đồ Bửu Sơn Kỳ Hương đứng lên chống ngoại xâm bảo vệ bờ cõi, đất nước. Khi đất nước bình yên thì trở về ruộng vườn, làm ăn tu hiền. Công lao của các bậc tiền nhân như Quán Cơ Trần Văn Thành, Nguyễn Trung Trực kháng chiến chống thực dân Pháp bảo vệ tổ quốc non sông đã nói lên tinh thần đó. Và ân đất nước đã được nhiều thế hệ tín đồ Bửu Sơn Kỳ Hương sau này tiếp tục làm theo như lời Thầy dạy. Mỗi trại ruộng của Phật Thầy khai mở là một đại cộng đồng gia đình Việt; yêu thương đùm bọc, chan hòa, chia sẻ cho nhau; đó là một xã hội cộng đồng đậm nét văn hóa gia đình của người Việt. Với tín đồ Bửu Sơn kỳ Hương chỉ có Phật Thầy mới là Thầy còn lại không có ai xưng thầy kể cả các đại đệ tử của Ngài. Tính cộng đồng đại chúng, sống san sẻ cùng làm ăn cùng tu tâm dưỡng trong một cộng đồng mà mọi người phải biết sống vì mọi người “*Nhiều điều phải lấy giá gương; Người trong một nước phải thương nhau cùng*”. Bửu Sơn Kỳ Hương đã phát triển mạnh





CÁC ĐẠI BIỂU THAM DỰ HỘI THẢO

tu tưởng từ bi của đạo Phật theo con đường học Phật tu nhân. Và điều đó chính là cơ sở để phát huy tối đa tinh hoa trong văn hóa Việt Nam.

Hội thảo khẳng định được sự ảnh hưởng mạnh mẽ của Phật Thầy Tây An – Đoàn Minh Huyền trong quá phát triển vùng đất An Hà nói riêng và Tây Nam bộ nói chung. Nhiều tham luận đã đề cập đến nhiều khía cạnh kể cả những lời trong sấm giảng của Ngài; những lời khuyên tu cao siêu nhưng gần gũi với người nông dân thời đó. Hội thảo một lần nữa khẳng định Phật Thầy Tây An – Đoàn Minh Huyền là một con người thực; một nhân vật có ảnh hưởng sâu sắc nơi dân chúng trong quá trình mở mang bờ cõi của cha ông dù rằng Ngài là đạo sư chánh giác. Nhiều ý kiến cho rằng Ngài một nhà dinh điền, một nhà chiến lược..., Tuy nhiên cái cốt lõi vẫn được đề cao đó tư tưởng chấn hưng cải cách đạo Phật thông qua việc chấn hưng gìn giữ và phát huy văn hóa Việt Nam một cách sâu sắc.

# CHUYÊN TRANG PHẬT GIÁO QUẬN 8

DO NHÀ BÁO NGUYỄN ĐỨC TÔ PHỤ TRÁCH

## TIN VĂN

- Thường trực Ban Trị sự GHPGVN Q8 dự lễ tang và chung thất cố Hoà Thượng Thích Nhật Quang, Chánh Thư ký GHPGVN TP.HCM.

- Tăng Ni tự viện GHPGVN Q8, tham gia học tập quán triệt Nghị Quyết Trung Ương 7 Khoá XI và tình hình biển đảo quê hương.

- Tổ chức Lễ Huỷ nhục:

+ Cố Hoà Thượng Thích Hân Hiền, Chứng minh GHPGVN Q8, Viện chủ chùa Vạn Liên P4, Q8;

+ Cố Hoà Thượng Viện chủ chùa Thiên Trường;

+ Cố Đại lão Hoà Thượng Thích Hồng Năng, Thành viên Hội Đồng CMTW.GHPGVN, Viện Chủ chùa Pháp Minh;

+ Cố Hoà Thượng Thích Thiện Từ, Viện Chủ Chùa Long Vân P9, Q8

+ Cố Đại lão Hoà Thượng Thích Hồng Nhơn, Viện chủ Chùa Từ Toàn Quận 8.

- Thường trực BTS.GHPGVN Q8 và toàn thể Tăng Ni trụ trì các tự viện tham dự ngày hội thu cứu trợ bảo lụt miền trung do GHPGVN Thành phố Hồ Chí Minh tổ chức, kết quả thu được 15 triệu đồng.

- Thượng tọa Thích Thiện Tài, đại diện Thường trực BTS.GHPGVN Q8 tham dự lễ truy điệu Cố Đại Tướng Võ Nguyên Giáp tại Hội trường Thống Nhất do bà Đồng Thị Kim Vui, Bí Thư Quận ủy Quận 8 làm trưởng đoàn.

- Ban Trị sự GHPGVN Q8 tổ chức Lễ Bổ nhiệm trụ trì Chùa Huệ Lâm cho Ni sư Thích Nữ Như Trí nhận nhiệm vụ tân trụ trì.

- Ban Văn hoá chùa Linh Bửu do TT. Thích Thiện Tài hướng dẫn đã tổ chức 2 chuyến đi về nguồn:

+ Chùa Long Sơn (Tân Uyên

- Bình Dương) nhân lễ khởi công trùng tu lần 3.

+ Tổ đình Linh Sơn, viếng linh vị cụ Đoàn Trung Còn.

## GIÁO HỘI PGVNVQ8 THAM GIA CUỘC VẬN ĐỘNG TOÀN DÂN GIAO NỘP VŨ KHÍ, VẬT LIỆU NỔ VÀ CÔNG CỤ HỖ TRỢ

Quận 8 đã có kế hoạch số 754/KH ngày 01/10/2013 về việc tổng kiểm tra và mở đợt cao điểm vận động toàn dân giao nộp vũ khí, vật liệu nổ và công cụ hỗ trợ trên địa bàn quận 8, Phường 4 được chọn làm điểm. Trong công tác tiếp nhận vũ khí thô sơ do quần chúng giao nộp có chủ trương hỗ trợ cho người giao nộp từ 10 đến 20 ký gạo, tùy theo loại vũ khí, công cụ hỗ trợ.

Hoà thượng Thích Thiện Lương, Trưởng Ban Trị sự GHPGVN Q8 khi tiếp cận với cuộc vận động đã xem đây là việc làm thiết thực, mang tính nhân văn và phù hợp với giáo lý đạo Phật. Cuộc vận động thu hồi vũ khí đang phát động thể hiện ước mong tránh khỏi những hành động hận thù giữa con người với con người, thoát khỏi nghiệp chướng khổ đau trong đời sống xã hội. Bên cạnh đó việc đổi gạo lấy vũ khí cũng là một phần của hạnh bố thí, giúp cho cuộc sống bớt đi những nhọc nhằn thiếu thốn của nhiều hoàn cảnh khó khăn.

Việc hỗ trợ gạo cho các phường để đổi lấy vũ khí, công cụ hỗ trợ là thể hiện cái tâm Từ bi, hạnh bố thí của Hoà thượng Trưởng Ban Trị sự. Đồng thời đây cũng là quan điểm chân chính của GHPGVN Q8 trong nhiệm vụ hoằng pháp và công tác phối hợp chặt chẽ với chính quyền địa phương, nhằm xây dựng một xã hội an lành và hạnh phúc, thực hiện phương châm "Gắn đạo với đời".

Theo Hoà thượng Thích Thiện Lương: "Đây là chủ trương của Ban Trị sự GHPGVN Q8, vì thế sau khi thực hiện có kết quả ở phường 4, sẽ triển khai trên tất cả các phường còn lại. Do đó, đề nghị các tự viện trực thuộc GHPGVN Q8 nằm trên địa bàn phường nào cũng sẽ tạo điều kiện cho phường đó có điều kiện thực hiện cuộc vận động".

**THÍCH NỮ HIỀN THỦ**

## Ý NGHĨA CỦA DANH HIỆU NAMO AMNITABHA BUDDHA (NAM MÔ A-DI-ĐÀ PHẬT)

Chúng ta vẫn thường niệm danh hiệu Nam-Mô A-Di-Đà Phật hằng ngày, ngay trong thi ca danh hiệu này cũng đã xuất hiện:  
*Thẹn thùng em không nói, Nam Mô A Di Đà.*

*(Thơ Nguyễn Nhược Pháp)*

Thế nên, danh hiệu A-Di-Đà luôn ở trong tâm tưởng của người Phật tử. Tuy nhiên vẫn còn nhiều người chưa hiểu hết ý nghĩa câu niệm “A-Di-Đà Phật”. Nhân ngày vía Đức Phật A-Di-Đà, chúng ta hãy cùng nhau tìm hiểu ý nghĩa thâm sâu và nhiệm màu của cụm từ này.

“**Nam-mô**” gốc tiếng Phạn, Hán ngữ dịch là “Quy y” hoặc “Trở về”.

**Chữ “A” tiếng Hán dịch là “Vô”**

**Chữ “Di-Đà” dịch là “Lượng”**

**Chữ “Phật” dịch là “Giác”**

Vậy “Nam-mô A-Di-Đà Phật” nghĩa là quy y với Đức Phật A-Di-Đà, trở về nương tựa với Đấng Vô Lượng Giác. Ngoài ra, nếu “A-Di-Đà” dịch là “Vô Lượng” thì cũng nên hiểu Đức Phật A-Di-Đà có vô số xưng danh chứ không phải chỉ Vô Lượng Thọ, Vô Lượng Giác hay Vô lượng Lượng Quang...

Vi thể trong kinh Vô Lượng Thọ có nêu 12 danh hiệu của Đức Phật A Di Đà: *Vô Lượng Quang Phật, Vô Biên Quang Phật, Vô Ngại Quang Phật, Vô Đối Quang Phật, Diệm Vương Quang Phật, Thanh Tịnh Quang Phật, Hoan Hỷ Quang Phật, Trí Tuệ Quang Phật, Nan Tư Quang Phật, Bất Đoạn Quang Phật, Vô Xưng Quang Phật, và Siêu Nhật Nguyệt Quang Phật.* Những danh hiệu đã nói lên công đức, trí tuệ chẳng thể nghĩ bàn của Đức Phật A-Di-Đà.

Trong kinh A-Di-Đà, Đức Phật Thích Ca nêu lên hai ý nghĩa vì sao mà có danh hiệu Phật A-Di-Đà. Đó là: Vì Đức Phật đó có ánh

sáng soi suốt Pháp giới 10 phương không gì chướng ngại (Vô Lượng Quang) và vi Đức Phật đó và đệ tử của Ngài sống lâu vô lượng, vô biên A-Tăng kỳ kiếp (Vô Lượng Thọ).

"Quang" chỉ cho không gian và "Thọ" chỉ cho thời gian. Không gian bao trùm khắp Pháp giới 10 phương, Thời gian là cả quá khứ, hiện tại và tương lai. Như vậy không gian và thời gian bao gồm cả ba đời mười phương. Vì thế, một câu niệm "Nam-Mô A-Di-Đà Phật" đã tròn đầy Pháp giới, bao hàm vô lượng chư Phật, Phật Pháp, Quốc độ Chư Phật, nhiếp thọ và tiếp độ tất cả chúng sanh.

Thế nên, nếu chuyên tâm thành kính niệm danh hiệu Phật A-Di-Đà thì cũng như chúng ta đã niệm tất cả các bộ kinh, vì một câu niệm A-Di-Đà đã đầy đủ vô lượng công đức. Trong kinh A-Di-Đà, Đức Thích Ca Mâu Ni và chư Phật đều tán thán công đức không thể nghĩ bàn của Đức Phật A-Di-Đà qua câu: "Như ta hôm nay khen ngợi công đức, lợi ích của Đức Phật A-Di-Đà".

Trong kinh Vô Lượng Thọ, Ngài còn tán thán Đức A-Di-Đà đến tột đỉnh là: "Quang Trung cực Tôn, Phật Trung chi Vương", nghĩa là ánh sáng của Ngài sáng hơn chư Phật, là Vua của chư Phật.

Cho nên chúng ta thường tán thán đức Phật A-Di-Đà theo bài kệ:

*A-Di-Đà Phật thân kim sắc  
Tướng hảo quang minh vô đẳng luân  
Bạch hào uyển chuyển ngũ Tu di  
Cám mục trừng thanh tứ đại hải  
Quang trung hoá Phật vô số ức  
Hoá Bồ Tát chúng diệc vô biên  
Tứ thập bát nguyện độ chúng sanh  
Cửu phẩm hàm linh đẳng bỉ ngạn.*

Hoặc:

*Ba đời mười phương Phật  
A-Di-Đà bậc nhất*

### *Oai đức không cùng cực...*

Thế nên nghĩa lý thâm sâu của câu Nam-mô A-Di-Đà Phật là quay về nương tựa với cái tự tính Vô Lượng Giác (A-Di-Đà) của chính chúng ta. Như vậy, chư Phật vì thương chúng sanh mê lầm, nhận vọng tưởng làm chân, bao kiếp trần luân trong bể khổ, sinh tử luân hồi nên đã khai thị cho chúng sanh trở về (Nam-mô) với cái tự tính Vô Lượng Giác (A-Di-Đà Phật) của chúng sinh, để chúng sinh ngộ nhập được cái Tự tính Vô Lượng Giác (A-Di-Đà).

Thế tại sao chúng ta chưa trở về ngộ nhập cái tự tính Vô Lượng Giác của chúng ta? Bởi vì Kinh Hoa Nghiêm viết: *“Chúng sanh đều có đủ đức tính trí tuệ của Như Lai, do vì vọng tưởng, phân biệt, chấp trước mà chẳng thể chứng đắc”*. Cho nên phải từ bỏ vọng tưởng, phân biệt, chấp trước cho thật sạch thì mới viên mãn thành chánh giác, tự tính Vô Lượng Giác mới hiển lộ.

Hằng ngày, từng sát na, từng giây, từng phút chúng ta đều khởi vọng tưởng, nghĩ ngợi đủ thứ, nhưng nếu chúng ta chuyên tâm vào câu niệm “A-Di-Đà Phật” thì ngay lúc ấy chúng ta đã có một vọng tưởng, vọng niệm đó là A-Di-Đà Phật mà thôi. Khi vọng tưởng khởi lên, lập tức niệm vài tiếng “A-Di-Đà Phật” để trừ khử những vọng tưởng ác khác. Đây là dùng Vọng tưởng chính để dẹp Vọng tưởng tà.

Dùng một vọng tưởng A-Di-Đà để dẹp, đè nén muôn ngàn vọng tưởng xấu, ác không khởi dậy thì chúng ta sẽ không làm điều ác và không làm điều ác thì không thọ quả ác.

Nhân ngày vía của Đức Phật A-Di-Đà, 17/11 âm lịch, cầu mong cho tất mọi người thân tâm thường an lạc, cùng hướng về Ngài, niệm danh hiệu Ngài, làm điều thiện, nguyện cầu cho không còn làm lạc, oán ghét, khổ đau, chia rẽ.

Mong tất cả chúng sanh đều được an vui trong hào quang nhiệm mầu của Đức Phật A-Di-Đà.

**NGUYỄN ĐỨC TỐ**

# Chùa Phổ Đà

(tiếp theo bìa 3)



Chùa có khuôn viên không lớn, chánh điện và nhà Tổ bài trí trang nghiêm, thanh tịnh. Mỗi tối có tổ chức các khoá tụng niệm cho khoảng 20 Phật tử. Vào dịp Lễ Vu Lan và Tết Nguyên Đán

hàng năm, chùa phát gạo cho người dân nghèo. Hiện chùa chỉ có một mình Ni cô trụ trì tu hành và quản lý cơ sở vật chất, hằng ngày đều có một số Phật tử đến làm công quả.

Do chùa được trùng tu lần cuối cùng từ năm 1996 nên cơ sở vật chất xuống cấp trầm trọng, do tọa lạc ở khu dân cư mà đời sống của Phật tử ở đây còn nhiều khó khăn, nên vẫn không đủ điều kiện để hỗ trợ chùa sang sửa lại những công trình hư hỏng. Vào những ngày mưa, khuôn viên của chùa bị ngập nước và trong chánh điện do mái lợp lâu năm không được thay nên nước dột khắp nơi, kể cả nơi thờ tự.

Niềm ao ước của Ni cô trụ trì là mong có kinh phí nâng cấp khuôn viên chùa và cần nhất là lợp lại mái chùa để bảo vệ các tượng Phật. Niềm ước mơ này thật chính đáng, vì vậy thiết tha kêu gọi các vị thi chủ phát Bồ đề tâm dũng mãnh, trợ duyên cho Ni cô Thích Nữ Chúc Thảo, Trụ trì Chùa Phổ Đà hoàn thành ý nguyện.

Địa chỉ liên hệ: Ni cô Thích Nữ Chúc Thảo, Trụ trì Chùa Phổ Đà, số 46 Lương Văn Can, P.15, Q.8, TP. Hồ Chí Minh, ĐT: 0128.6039.777

# Tiệc thương một người thầy

(tiếp theo bài 3)

Nguyễn Đức Tố

Cảm xúc như bị hụt hẫng khi đọc được bản tin: “Do cao niên lạm trường, Đại lão Hoà thượng Thích Thiện Chơn đã viên tịch vào lúc 01 giờ 10 ngày 16 tháng 10 năm 2013 (nhằm ngày 12 tháng 9 năm Quý Tỵ), tại chùa Giác Linh, số 564 Bis/9 đường Hưng Phú, P.9, Q.8, TP. Hồ Chí Minh”.

Thế là Thầy đã vĩnh biệt cõi hồng trần để về nơi cõi Phật, vẫn biết là “sinh ký tử quy”, nhưng làm sao mà ngăn được niềm luyến tiếc, mến thương đối với một vị sư già chân chất, đôn hậu.

Kỷ niệm những lần được tiếp xúc với Thầy chợt òa về trong tôi, lần đầu tiên được gặp gỡ với Thầy là để xin thầy kể cho nghe về quá trình khai sơn và xây dựng chùa Giác Linh, Thầy đã nhắc lại những việc đã làm và tặng tạp chí Hương Thiền bốn câu kệ:

*Chân nhận tự kỳ thác*

*Mạc luận tha nhân phi*

*Tha phi tức ngã phi*

*Đồng thể danh đại bi*

Rồi Thầy tự dịch:

*Nhận thật rằng mình sai*

*Đừng để ý lỗi người*

*Lỗi người tức lỗi ta*

*Cùng thể tức đại bi.*

Quan niệm sống của Thầy đã thể hiện qua bốn câu kệ, chứng tỏ một nhân sinh quan cao thượng khi xử thế



của một bậc chân tu.

Lần tiếp xúc tiếp theo là vào dịp đại lễ Phật Đản được tổ chức tại chùa An Phú năm 2011. Do phải tác nghiệp, tôi tất bật giải quyết một số hình ảnh, khi nhìn lên khán đài tôi thấy Thầy ngồi với dáng an nhiên, tự tại trong khoảng không gian chật hẹp nhưng rộng rãi. Tôi đến chào và chúc sức khỏe Thầy. Khi vừa quay đi thì Thầy giữ tôi lại và đề nghị tôi chụp cho Thầy vài tấm ảnh ngay trước lễ đài để làm kỷ niệm.

Xong lễ, khi dòng người đã thưa thớt, tôi đưa Thầy đến trước lễ đài và chụp cho Thầy nhiều tấm ảnh cận cảnh. Trong thâm tâm, tôi cho nghĩ có lẽ đây là những tấm ảnh mang dấu tích của khoảng thời gian mà nghìn vạn năm sau cũng không thể lập lại. Sau đó tôi in những tấm ảnh cỡ giấy A4 gửi biểu Thầy. Nghe những người thân nói lại, Thầy rất vui khi xem những tấm ảnh đó. Thế mà hôm nay, con đã không còn cơ hội để được gặp lại Thầy, được nghe những lời Thầy dạy.

Cả cuộc đời của Đại lão Hòa Thượng Thích Thiện Chơn dành trọn cho sự nghiệp tu học và hoằng dương Chánh pháp. Những năm sau này, do tuổi cao sức yếu và thọ bệnh, mặc dù đồ đệ bản tự hết lòng chăm sóc nhưng rồi cũng không qua khỏi. Thế mới biết, sinh-lão-bệnh-tử là định luật mà mọi người ai cũng phải đi qua. Định luật Vô Thường, Vô Ngã nào phải riêng ai.

86 năm trụ thế, 66 năm hạ lạp, Đại lão Hòa thượng đã cống hiến bao tinh hoa cho Phật pháp. Giờ đây công đức đã hoàn mãn, Ngài xả thân tứ đại để lại cho Tăng Ni và Phật tử bao niềm kính tiếc.

Riêng con, nguyện gửi theo đám mây hương, thành tâm cầu nguyện giác linh Thầy *cao đăng Phật quốc*.

# HƯƠNG THIÊN 26

---

NHIỀU TÁC GIẢ

## NHÀ XUẤT BẢN VĂN HÓA - VĂN NGHỆ TP.HCM

88 - 90 Ký Con, P. Nguyễn Thái Bình, Q.1, Tp.HCM

ĐT: (08) 38216009 - 39142419

Fax: (08) 39142890

Email: [nxbvhvn@nxbvanhovannghe.org.vn](mailto:nxbvhvn@nxbvanhovannghe.org.vn)

[nxbvanhoavannghe@yahoo.com.vn](mailto:nxbvanhoavannghe@yahoo.com.vn)

Website: [nxbvanhoavannghe.org.vn](http://nxbvanhoavannghe.org.vn)

---

*Chịu trách nhiệm xuất bản:*

Huỳnh Thị Xuân Hạnh

*Biên tập:* Nguyễn Kim Phước

*Sửa bản in:* Bảo Bảo

*Trình bày:* Hương Thiên Design

*Bìa:* Cát Tường

*Liên kết xuất bản:* Hương Thiên Books

---

In lần thứ nhất. Số lượng 1.000 cuốn khổ 14 x 20 cm

Tại: Công ty in Thành Tiến, 195/37D Bùi Minh Trực, P.5, Q.8, TP.HCM

Số đăng ký xuất bản: 64-2013/CXB/81-01/VHVN

QĐXB số: 329/QĐ-NXBVHVN ngày 23/10/2013

In xong và nộp lưu chiểu quý 4 năm 2013

## THÀNH KÍNH TƯỢNG NIỆM

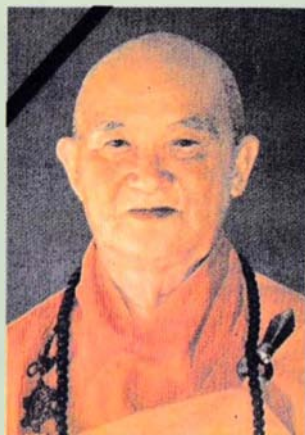
Cố đại lão Hòa thượng thượng Thiện hạ Chơn, húy Nhật Thiết:

- Thành viên Hội đồng Chứng minh GHPGVN
- Chứng minh Ban Trị sự GHPGVN TP.HCM
- Chứng minh Ban Trị sự GHPGVN - QUẬN 8
- Viện chủ chùa Giác Linh - QUẬN 8

Viên tịch lúc 1g10, ngày 16/10/2013.

Ban biên soạn tập văn Hương Thiền thành kính tưởng niệm và tri ân công đức.

TT. THÍCH THIỆN TÀI



Hòa thượng Thích Thiện Chơn

## Chùa Phổ Đà



Sư cô Thích nữ Chúc Thảo

Chùa Phổ Đà tọa lạc tại số 46 Lương Văn Can, phường 15, Quận 8, thành phố Hồ Chí Minh. Chùa được cố Ni trưởng thượng Tịnh hạ Huệ thành lập từ năm 1946. Khởi thủy chỉ là căn nhà lá, đến năm 1956 mới xây dựng chánh điện và nhà tổ.

Năm 1996 chùa được trùng tu lần thứ hai, xây thêm nhà khách, nhà trù. Năm 2011 Ni Trưởng thượng Tịnh hạ Huệ Viên tịch. Trước đó, vào năm 2007, Sư cô Thích nữ Chúc Thảo được kế thừa nhiệm vụ Trụ trì chùa Phổ Đà cho đến nay.

*(Xem tiếp trang 93)*



## Man Nương

### Trình nữ thọ thai

Thời Hiến Đế nhà Hán, quan thái thú Giao Chỉ là Sĩ Nhiếp đóng đô thành ở bờ phía nam sông Bình Giang (nay là sông Thiên Đức). Phía Nam thành đó có chùa thờ Phật là chùa Phúc Nghiêm, có vị sư từ phương Tây tới, hiệu là Già La Đồ Lê trụ trì ở đấy, có phép đứng một chân, mọi người đều kính phục gọi là tôn sư, kéo nhau tới học đạo.

Hồi ấy có người con gái tên là Man Nương, cha mẹ đều đã mất, nghèo khổ vô cùng, cũng tới đó dốc lòng theo học Phật. Vì có tật nói lắp, không thể cùng chúng tụng kinh, thường ở dưới bếp, vo gạo, nhặt rau, nấu nướng cho các vị Tăng trong chùa và khách tử phương.

*(Xem tiếp trang 53)*

Giá: 15.000 đồng